ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

---------***-------

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

NĂM HỌC 2021-2022

THÁI NGUYÊN - THÁNG 6/2021

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Số: 399 /QĐ-ĐHNL-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch đào tạo năm học 2021-2022

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của đại học Thái Nguyên; các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo năm học 2021 – 2021 của Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Nông lâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ĐHTN: B/cáo;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Văn Điền

PHẦN 1
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TỔNG THỂ

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM HỌC

1.1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13ngày 19/11/2018 ngày 18/6/2012;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học số 34/2018/QH 14 ngày 19/11/2018;
- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học;
- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các đại học thành viên;
- Thông tư 27/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng BGDĐT về việc quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học.
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo;
- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ;
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Quyết định số 1397/QĐ-ĐHTN ngày 26/8/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên Quy định về công tác quản lý đào tạo sau đại học;
- Quyết định số 350/QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ;
- Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ;
- Quyết định số 303/QĐ-ĐT ngày 10/03/2015 của Hiệu trưởng Quy định về quản lý và tổ chức thi kết thúc học phần, kiểm tra giữa kỳ, xét kết quả học tập, xếp hạng học lực và năm học tại trường ĐH Nông lâm;
- Quyết định số 1562/QĐ-ĐHNL ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Nông lâm;
- Quyết định số 1026/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30/7/2018 của Hiệu trưởng Quy định về công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nông Lâm;
- Quyết định số 1052/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 2/8/2018 của Hiệu trưởng Quy định về công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nông Lâm;

1.2. Nhiệm vụ năm học 2021-2022

1. Tập trung nguồn lực phục vụ công tác tuyển sinh (đại học, sau đại học, vừa học vừa làm), phấn đấu hệ đại học chính quy 400-500 SV; hệ vừa học vừa làm 1.000 SV, hệ cao học 200-250 học viên; NCS: 5-8.

2. Tập trung đánh giá các CTĐT theo chuẩn AUN (đợt tháng 9 năm 2021 và tháng 4/2022).

3. Thực hiện việc chuyển đổi số trong công tác quản lý đào tạo

4. Rà soát, xây dựng và ban hành mới các quy định trong đào tạo.

5. Hoàn thiện tài liệu giảng dạy đối với các học phần TH, TTNN và rèn nghề,

6. Đẩy mạnh kết nối đào tạo trong và ngoài nước lớn về quy mô, sâu về chất lượng: Đưa sinh viên đi TTTN tại các doanh nghiệp trong nước và đi thực tập tại nước ngoài đạt 250-300 SV

7. Đổi mới phương pháp giảng dạy cho giáo viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; nâng cao chất lượng luận văn, luận án.

8. Kết nối việc làm cho sinh viên: phấn đấu tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng đạt trên 90% trở lên

9. Mở mới từ 1- 2 ngành đào tạo đại học; 01 ngành Thạc sĩ và 01 ngành Tiến sĩ

1.3. Giải pháp thực hiện

1. Xây dựng thương hiệu, tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu ngành nghề đào tạo phục vụ công tác tuyển sinh đại học, sau đại học. Huy động toàn thể giáo viên, sinh viên, các tổ chức đoàn thể tham gia công tác tuyển sinh 2021. Duy trì nhóm tư vấn tuyển sinh tại các tỉnh trong nhiều năm. Thực hiện công tác tuyển sinh liên tục trong cả năm học. Xây dựng cơ chế hợp tác để thúc đẩy tạo nguồn tuyển sinh hệ VLVH. Đẩy mạnh công tác tạo nguồn tuyển sinh, phát triển thêm từ 3- 4 CSLK mới.

2. Tập trung nguồn lực toàn trường để đánh giá các CTĐT, đảm bảo các CTĐT đưa đi đánh giá đều phải đạt yêu cầu.

3. Rà soát, xây dựng và ban hành Quy định quản lý đào tạo hệ các bậc học theo Luật Giáo dục Đại học và các Nghị định, Thông tư mới.

4. Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn, TTNN&TH, TTPTQT xây dựng kế hoạch đào linh hoạt mềm dẻo đặc biệt đối với môn ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu đi thực tập nước ngoài cho SV.

5. Các khoa chuyên môn và TTPTQT hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp trong và ngoài nước để đưa sinh viên đi TTNN, TTTN. Mời các Doanh nghiệp tham gia vào quá trình giảng dạy và đánh giá chương trình đào tạo, phát triển CTĐT, đánh giá tay nghề sinh viên sau khi tốt nghiệp.

6. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức giảng dạy online cho tất cả các bậc học và loại hình đào tạo theo lộ trình.

7. Đẩy nhanh công tác viết và nghiệm thu giáo trình các trình độ. Các học phần rèn nghề, thực tập nghề nghiệp phải hoàn thành bài giảng hoặc giáo trình giảng dạy trong năm học 2021-2022.

8. Chuẩn bị các điều kiện: Nguồn lực; cơ sở vật chất; tài liệu học tập để mở mới và đưa vào đăng ký tuyển sinh các ngành học mới.

II. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỆ CHÍNH QUY

2.1. Kế hoạch thời gian trong năm học

Năm học gồm 52 tuần (từ 16/8/2021 đến 15/8/2023), chia thành 3 học kỳ (học kỳ 1, học kỳ 2 và học kỳ 3), trong đó học kỳ 1 và học kỳ 2 là các học kỳ chính, học kỳ 3 tổ chức cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm.

+ Học kỳ 1: 20 tuần (17 tuần học và 3 tuần thi), từ tuần 01 đến tuần 20 (16/08/2021 – 02/01/2022)

+ Học kỳ 2: 21 tuần (17 tuần học và 4 tuần thi), từ tuần 21 đến tuần 41 (03/01/2022 – 29/05/2022)

+ Học kỳ 3: 10 tuần, từ tuần 42 đến tuần 51 (02/06/2022 - 07/08/2022)

+ Tuần dự trữ: 01 tuần, tuần 52 (05/08 – 16/08/2022): Dùng cho hoạt động bồi dưỡng chuyên môn của cán bộ, giáo viên.

Kế hoạch chi tiết theo từng kỳ học

*** Kỳ 1: Bắt đầu từ 16/8/2021 – 02/01/2022**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN
I	**K50, K51, K52**	
1	Học chuyên môn: 17 tuần	16/08 - 12/12/2021
2	Xét học vụ	30/08 - 05/09/2021
3	Thi kết thúc học kỳ I: 3 tuần	13/12/2021 – 02/01/2022
4	Xét tốt nghiệp đợt tháng 10/2021	04/10 – 10/10/2021
5	Giao đề tài tốt nghiệp cho K50	06/12 - 19/12/2021
7	K52 học GDQP 5 tuần	Từ 16/8 đến 12/9/2020
II	**K53**	
1	K53 nhập trường	10-12/9/2021
2	K53 sinh hoạt chính trị đầu năm học	13-17/9/2021
3	Học chuyên môn: 13 tuần	20/9–12/12/2021
4	Thi kết thúc học kỳ I: 3 tuần	13/12/2021 – 02/01/2022
III	**Nghỉ Lễ Quốc khánh 02/09 (thứ 5)**	Nghỉ ngày 02/09/2021
IV	**Nghỉ tết dương lịch**	01/01/2021

*** Học kỳ II: Từ 03/01/2021 – 05/06/2021**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN
1	Học chuyên môn: 17 tuần	03/01 - 8/5/2022
2	Xét tốt nghiệp đợt tháng 1 năm 2022	10/01 - 16/01/2022
3	Xét học vụ	17/01 – 23/01/2022
4	Xét tốt nghiệp đợt tháng 4 năm 2022	4/4 - 10/4/2022
5	Thi học kỳ II: 3 tuần	9/5 – 29/5/2022
6	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp K49	23/5 – 12/6/2022
7	Xét tốt nghiệp đợt tháng 6 năm 2022	24/6 – 30/6/2022
8	Lễ trao bằng tốt nghiệp năm 2021 (K50)	05/7 – 10/7/2022
	Nghỉ tết Nguyên đán (3 tuần)	21/01 - 13/02/2022
	Các ngày nghỉ lễ (không dạy và học bù) - Giỗ tổ Hùng vương: 10/3 Âm lịch - Lễ Chiến thắng và Quốc tế lao động 30/4 và 01/5	 Nghỉ bù 11/4/2022 Nghỉ bù 2,3/5/2022

*** Học kỳ 3: 10 tuần từ 30/5/2022 - 07/8/2022**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN
1	Sinh viên đăng ký nguyện vọng trên phần mềm	9/5 - 15/5/2022
2	Lập kế hoạch thời khóa biểu dự kiến	16/5 - 22/5/2022
3	Gửi thời khóa biểu dự kiến về các khoa để phân công giảng dạy, Sinh viên đăng ký học chính thức	23/5 - 29/5/2022
	Học chính thức	6/6 - 31/7/2022
	Thi kết thúc học phần	01/8 – 07/8/2022
	Tuần dự trữ	8/8 - 14/8/2021

*** Nghỉ hè: 8** tuần từ tuần: 20/6 – 14/08/2022

2.2. Các hệ đào tạo và chương trình đào tạo năm học 2021-2022

TT	Hệ đào tạo	Ghi chú
1	Đại học chính quy (CT chuẩn)	20 chuyên ngành
2	Đại học chính quy (CT POHE)	02 chuyên ngành TT và CNTY
3	Đại học chính quy (CTTT)	03 Ngành: KHMT+CNTP+KTNN
4	Liên thông CĐ lên đại học	09 ngành
5	Văn bằng 2	08 ngành
6	CTĐT theo đặt hàng DN	01 ngành

2.3. Quy mô sinh viên năm học 2021-2022 (trừ khóa 53)

2.3.1. Các lớp sinh viên theo khoá học

TT	Khoa	Chuyên ngành	K49	K50	K51	K52	Tổng
1	Chăn nuôi thú y	Chăn nuôi TY		43	25	29	97
		CNTY POHE			28	35	63
		Thú y	152	108	50	98	408
	Tổng		**152**	**151**	**103**	**162**	**568**
2	QLTài nguyên	Quản lý đất đai		26	29	24	79
		QLTN và DLST		17	21	9	47
		Bất động sản			2	4	6
	Tổng			**43**	**52**	**37**	**132**
3	Môi trường	KH Môi trường		10	16	24	50
		Quản lý thông tin			8	11	19
	Tổng			**10**	**24**	**35**	**69**
4	VP các CTCLC	KH&QLMT		19	39	8	66
		CNTP		23	28	13	64
		KTNN		13	29	5	47
	Tổng			**55**	**96**	**26**	**177**
5	Nông học	Trồng trọt		20	15	14	49
		NNCNC		20	13	41	74
	Tổng			**40**	**28**	**55**	**123**
6	CNSH&CNTP	Công nghệ SH		18	7	7	32
		CN thực phẩm		42	18	17	77
		ĐBCL ATTP		23	16	15	54
	Tổng			**83**	**41**	**39**	**163**
7	Kinh tế-PTNT	KTNN		23	13	10	46
		Kinh doanh NN				2	2
	Tổng			**23**	**13**	**12**	**48**
8	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp			13	10	23
		QLTNR		22	9	4	35
	Tổng			**22**	**22**	**14**	**58**
	Tổng toàn trường theo khoá		***152***	***430***	***379***	***380***	***1341***

**** Tổng số SV năm học 2020-2021 giảm 489 SV so với năm học 2020-2021***

2.3.2. Hệ đào tạo liên thông chính quy, Văn bằng 2

TT	NGÀNH HỌC	K50	K51	K52	Tổng
1	LT Quản lý đất đai	8		3	11
2	LT Khoa học môi trường	1			1
3	LT Khoa học cây trồng	1			1
4	LT Thú y	4	3	1	8
5	LT Lâm nghiệp	1			1
6	LT Quản lý tài nguyên rừng	3	2	1	6

7	LT Chăn nuôi thú y	3		1	4
8	LT PTNT	1			1
9	LT CNTP	2			2
10	LT KTNN			1	1
	Tổng liên thông	***24***	***5***	***7***	***36***
1	VB2 Thú y	3	2	1	6
2	VB2 Chăn nuôi thú y	1	1	1	3
3	VB2 KH môi trường	1			1
4	VB2 Quản lý đất đai	3		30	33
5	VB2 Khoa học cây trồng	2		1	3
6	VB2 Lâm nghiệp				
7	VB2 CNSH	2			2
8	VB2 CNTP	9	1		10
9	VB2 TT	2		1	3
10	VB2 ĐCMT			2	2
	Tổng Văn bằng 2	***23***	***4***	***36***	***63***

2.4. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp K50

TT	Ngành/chuyên ngành	Khoa quản lý	Số lớp đi TTTN đợt 1 (kỳ 1)	Số SV đi TTTN đợt 2 (Kỳ 2)
1	Chăn nuôi thú y	CNTY	43	
2	Thú y	CNTY	69	39
3	KHCT	NH		20
4	Lâm nghiệp	LN		
5	Quản lý TN rừng	LN		22
6	Quản lý đất đai	QLTN		26
7	Quản lý tài nguyên &MT	QLTN		17
8	Khoa học MT	MT		10
9	Kinh tế nông nghiệp	KTPTNT		23
10	Công nghệ sinh học	CNSH		18
11	Công nghệ thực phẩm	CNSH		42
12	ĐBCL & ATTP	CNSH		23
13	Khoa học &QLMT	CTTT		19
14	CNTP (CTTT)	CTTT		23
14	KTNN (CTTT)	CTTT		13
	Tổng			

2.5. Kế hoạch xét tốt nghiệp năm học 2021-2022

- Đợt 1: Tháng 6/2021
- Đợt 2: Tháng 10/2021

- Đợt 3: Tháng 1/2022
- Đợt 4: Tháng 4/2022

Ngoài ra, căn cứ vào số lượng sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp có thể tổ chức thêm các đợt xét bổ sung.

Ngành và số sinh viên dự kiến tốt nghiệp năm học 2021-2022

TT	Ngành/chuyên ngành	Khoa quản lý	Số SV
1	Chăn nuôi thú y + CNTY POHE	CNTY	38/43
2	Thú y K49	CNTY	135/152
3	Trồng trọt	NH	17/20
4	Nông nghiệp công nghệ cao	NH	17/20
5	Quản lý TN rừng	LN	16/22
6	Khoa học môi trường	MT	8/10
7	Quản lý đất đai	QLTN	22/26
8	Quản lý tài nguyên và MT	QLTN	14/17
9	Kinh tế nông nghiệp	KT&PTNT	19/23
10	Công nghệ sinh học	CNSH	15/18
11	Công nghệ thực phẩm	CNSH	37/42
12	ĐBCL An toàn TP	CNSH	20/23
	Tổng		

2.6. Kế hoạch bố trí thời khoá biểu các học phần thực hành, TTNN và rèn nghề

Phối hợp với các khoa để xây dựng chi tiết

2.7. Kế hoạch tuyển sinh mới năm 2021

- Hệ chính quy K53: Tổng số tuyển mới theo kế hoạch tuyển sinh năm 2021là 500 sinh viên và dự kiến được biên chế vào 10 lớp học phần.
- Hệ liên thông chính quy: 50 chỉ tiêu.

2.8. Kế hoạch biên soạn giáo trình

Nghiệm thu và xuất bản từ 8 – 10 giáo trình

2.9. Kế hoạch học tập GDQP, an ninh:

K52 sẽ học quốc phòng, an ninh 5 tuần: Từ ngày 16/08/2021 đến 19/09/2021.

2.10. Kế hoạch thu học phí

- Kỳ 1: Từ 21/09/2021 – 15/11/2021.
- Kỳ 2: Từ 01/03/2022 – 03/04/2022.
- Kỳ 3: Từ 20/06/2022 – 17/07/2022.

III. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

3.1. Ngành học và quy mô sinh viên *(Khóa tuyển sinh từ 2017 đến 2021 (tương đương K49 – K53 của hệ chính qui)*

Tính đến tháng 4/2021, qui mô hệ VLVH là 1.911 sinh viên, trong đó:

Khóa 49 (tuyển sinh năm 2017): 246 sinh viên

Khóa 50 (tuyển sinh năm 2018): 223 sinh viên

Khóa 51 (tuyển sinh năm 2019): 589 sinh viên

Khóa 52 (tuyển sinh năm 2020): 611 sinh viên

Khóa 53 (tuyển sinh năm 2021- số liệu đến tháng 4): 242 sinh viên

3.2. Khóa học, ngành học và quy mô sinh viên

TT	Khóa	Ngành/Lớp	Tổng số Sv của lớp	Số sinh viên các hệ đào tạo				Địa điểm
				ĐH	Hệ LT từ TC-ĐH	Hệ LT từ CĐ-ĐH	Hệ VB 2	
1	**Lâm nghiệp/Lâm sinh**							
1.1	49	DBACN-DNLKH49	25	21		3	1	TT GDHN - GDTX Điện Biên
1.2		NLHG-NLKH49	42	42				Trường ĐH Nông Lâm TN
1.3		LCDBH-NLKH49	1	1				Phân hiệu ĐHTN tại Lào Cai
1.4		NLHN-BLN49	2				2	Trường ĐH Nông Lâm TN
1.5		QTB-LN49	7		4		3	Trường TC NN Quảng Trị
1.6		QBC-LN49N02	1		1	1		Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình
1.7		NLSL-LN49	13	10		1	2	Trường ĐH Nông Lâm TN
1.8	50	LCD-LN50	23		23			Trường CĐ Cộng đồng Lào Cai
1.9		NLSL-LN50	19		19			Trường Cao đẳng Sơn La
1.1	51	DBCML-NLKH51	37	11	23	2	1	Trường CĐ KTKT Điện Biên
1.11		NL-LN51	36	4	18	7	7	Trường ĐH Nông Lâm TN
1.12		NLSL-LN51	54	2	20	18	14	Trường ĐH Nông Lâm TN
1.13	52	NL-NLKH52	3		1	2		Trường ĐH Nông Lâm TN
1.14		LChA-NLKH52	53	11	31	11		TTGDTX-HN tỉnh Lai Châu
1.15	53	QBC-LS53	17	2	13	1	2	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công Nông nghiệp Quảng Bình
2	**Quản lý tài nguyên rừng**							
2.1	52	NL-QLTNR52	11	1		4	6	Trường ĐH Nông Lâm TN
	Tổng số sinh viên		***344***	***105***	***153***	***49***	***38***	
3	**Thú y**							
3.1	49	NLSD-BTY49	1				1	Trường ĐH Nông Lâm TN

3.2		HNB-DTY49	11	11				Trường TC Thái Nguyên
3.3		NBD-TY49	1	1				Trường ĐH Nông Lâm TN
3.4	51	NLNAB-TY51	22	1		21		Trường ĐH Nông Lâm TN
3.5		NLSL-TY51	31	5	14	7	5	Trường ĐH Nông Lâm TN
3.6	52	NL-TY52N01	18	2	2	7	7	Trường ĐH Nông Lâm TN
3.7		NL-TY52N02	53		14	18	21	Trường ĐH Nông Lâm TN
	Tổng số sinh viên		***137***	***20***	***30***	***53***	***34***	
4	**Chăn nuôi Thú y**							
4.1	49	NLHB-CNTY49	18		18			CĐ Kinh tế KT Hòa Bình
4.2		NLVP-CNTY49	1	1				TTGDHN - GDTX Vĩnh Phúc
4.3	50	NLHG-CNTY50	9		9			Trường ĐH Nông Lâm TN
4.4	52	NLHN- CNTY52	26		18	4	4	Trường ĐH Nông Lâm TN
4.5		NL-CNTY52	26		7	10	9	Trường ĐH Nông Lâm TN
4.6	53	NLTH-CNTY53	10		3	5	2	Trường ĐH Nông Lâm TN
	Tổng số sinh viên		***90***	***1***	***55***	***19***	***15***	
5	**Kinh tế nông nghiệp**							
5.1	49	YBCTrY-KTNN49	18	8	9	1		CĐ nghề Yên Bái
5.2		NBD-KTNN49	31	25			6	Đại học Hoa Lư Ninh Bình
5.3	50	LCDVB-KTNN50	17	15	2			Trường CĐ Cộng đồng Lào Cai
5.4	51	NLDH-KTNN51	54	4	37	13		Trường ĐH Nông Lâm TN
5.5		NL-KTNN51	32	9	9	11	4	Trường ĐH Nông Lâm TN
5.6	52	NLMCC-KTNN52	30	10	15	6		Trường ĐH Nông Lâm TN
5.7		YBA-KTNN52	42	10	23	7	2	TT GDHN - GDTX Yên Bái
	Tổng số sinh viên		***224***	***81***	***95***	***38***	***12***	
6	**Khoa học cây trồng**							
6.1	49	LChC-TT49	19	12	7			Trường CĐ CĐ Lai Châu
6.2		LChA-TT49	48	48				TT GDHN - GDTX Lai Châu
6.3	50	LChA-TT50	50	50				TT GDHN - GDTX Lai Châu
6.4		LChAThU-TT50	12	12				TT GDHN - GDTX Lai Châu
6.5		NLHG-TT50	32		24	7	1	Trường ĐH Nông Lâm TN
6.6		CBB-TT50	20		20			Trường CĐ Nghề Cao Bằng
6.7	51	ĐBATC -TT51	58	14	40	4		TT GDTX - HN Điện Biên
6.8		NLCB-TT51	106	2	91	13	1	CĐ Công nghiệp cao su BP
6.9		NL-HN-TT51	24	4	1	2	17	Trường ĐH Nông Lâm TN
6.1	52	NLBP-TT52N01	53			41	12	Trường ĐH Nông Lâm TN
6.11		NL-TT52	10		3	5	2	Trường ĐH Nông Lâm TN
6.12		NLTC-TT52	18	4	11	2	1	Trường ĐH Nông Lâm TN
6.13		NLPT-TT52	46			42	4	Trường ĐH Nông Lâm TN
6.14		NLBP-TT52N02	44		22	22		CĐ Công nghiệp cao su BP
6.15		NLCB-TT52	30	1	25	4		Trường ĐH Nông Lâm TN
	Tổng số sinh viên		***570***	***147***	***244***	***142***	***38***	

7	**Quản lý đất đai**							
7.1	49	NBD-QLDD49	7	7				Trường ĐH Hoa Lư
7.2	50	NLSL-QLDD50	36		10	22	4	Trường ĐH Nông Lâm TN
7.3		CBB-QLDD50	5		5			Trường CĐ Nghề Cao Bằng
7.4	51	NLLS-QLĐĐ51	87	1	70	16		Trường ĐH Nông Lâm TN
7.5		NL-QLĐĐ51	48	5	12	11	21	Trường ĐH Nông Lâm TN
7.6	52	DBC-QLĐĐ52	74	3	33	25	13	Trường CĐKTKT Điện Biên
7.7		NLCB QLĐĐ52	44	1	25	17	1	Trường ĐH Nông Lâm TN
7.8		NLHB-QLĐĐ52	28		9	16	3	Trường ĐH Nông Lâm TN
7.9		SLC-QLĐĐ52	33	5	7	13	7	Trường CĐ Sơn La
7.1		NLTB-QLĐĐ52	25		9	9	7	Trường ĐH Nông Lâm TN
7.11		QBC-QLĐĐ52	48	2	4	3	39	Trường CĐ KT Quảng Bình
7.12	53	NLBN-QLĐĐ53	27	2	3	1	21	Trường ĐH Nông Lâm TN
		Tổng số sinh viên	***462***	***26***	***187***	***133***	***116***	
8	**Công nghệ thực phẩm**							
8.1	52	NLPY – CNTP52	41		24	5	12	Trường ĐH Nông Lâm TN
9	**Công nghệ sau thu hoạch**							
9.1	52	NLTH-CNSTH52	39	1	20	10	8	Trường ĐH Nông Lâm TN
10	**Khoa học Môi trường**							
10.1	52	NL-KHMT52	4	1	2	1		Trường ĐH Nông Lâm TN
Tổng số sinh viên hệ VLVH			**1911**	**382**	**810**	**450**	**273**	

3.3. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm học 2021 - 2022

Tổng số 29 lớp với 631 sinh viên, cụ thể:

TT	Lớp	Hệ ĐT	Thời gian TN	Số SV	Địa điểm đặt lớp
I	**Quản lý đất đai**			**96**	
1	NL-QLDD51	LT từ CĐ-ĐH	02/2021	9	Tr TC CĐ Hà Nội
		LT từ TC-ĐH	02/2022	21	
2	NL-QLDD51	LT từ CĐ-ĐH	06/2021	16	Tr CĐ Sơn La
		Văn bằng II	06/2021	3	
3	SLC-QLDD50	LT từ TC-ĐH	08/2021	10	Tr CĐ Sơn La
		LT từ TC-ĐH	11/2021	10	
4	NBD-DQLDD49	Đại học	06/2021	7	Trường ĐH Hoa Lư
5	CBB-TQLDD50	LT từ TC-ĐH	11/2021	20	Tr TC KT-KT Cao Bằng
II	**Lâm nghiệp**			**105**	
1	NL-TLN50N03SL	LT từ TC-ĐH	10/2021	19	Tr CĐ Sơn La
2	NL-LN51	LT từ CĐ-ĐH	09/2021	15	Tr CĐ Sơn La
		Văn bằng II	06/2021	14	
		LT từ CĐ-ĐH	06/2021	18	
		LT từ CĐ-ĐH	03/2022	2	

		LT từ CĐ-ĐH	06/2022	5	
3	NL-TLN50N01QT	LT từ TC-ĐH	04/2021	4	Tr TC NN&PTNT Quảng Trị
4	NL-LN51	LT từ CĐ-ĐH	02/2021	5	Phân hiệu ĐHTN tại Lào Cai
		LT từ TC-ĐH	08/2021	23	
III	**Nông lâm kết hợp**			**179**	
1	DBA-DNLKH49TG	Đại học	04/2021	31	TT GDTX Điện Biên
2	NLDBACN-NLKH51	Văn bằng II	03/2021	1	TT GDTX Điện Biên
3	DBACN-NLKH49	Đại học	09/2021	21	TT GDTX Điện Biên
4	YBMCC-NLKH49	Đại học	03/2021	48	Tr CĐ nghề Yên Bái
5	LChA-NLKH49	Đại học	09/2021	30	TT GDTX-HN Lai Châu
6	NLLChA-NLKH50	Đại học	06/2022	2	TT GDTX-HN Lai Châu
7	NLHG-NLKH49	Đại học	06/2021	42	Tr CĐ KT Công nghệ Hà Giang
8	NLHG-DNLKH50	Đại học	6/2022	4	Tr CĐ KT Công nghệ Hà Giang
IV	**Khoa học cây trồng**			**174**	
1	NLThU-TT50	LT từ TC-ĐH	02/2021	12	TT GDTX-HN Lai Châu
2	NLHG-TT50	LT từ TC-ĐH	06/2021	24	Tr CĐ KT Công nghệ Hà Giang
		LT từ TC-ĐH	08/2021	10	
		LT từ TC-ĐH	11/2021	24	
3	NLHG-TT51	LT từ CĐ-ĐH	06/2021	7	Tr CĐ KT Công nghệ Hà Giang
		LT từ TC-ĐH	2/2022	1	
4	CBB-TTT50	LT từ TC-ĐH	12/2021	20	Tr TC KT-KT Cao Bằng
5	NLCB-BTT51	Văn bằng II	09/2021	1	Tr TC KT-KT Cao Bằng
		LT từ CĐ-ĐH	09/2021	13	
6	LChA-TT50	Đại học	12/2021	50	TT GDTX-HN Lai Châu
7	LChA-TT49	Đại học	09/2021	12	TT GDTX-HN Lai Châu
V	**Kinh tế nông nghiệp**			**77**	
1	NBD-DKTNN49	Đại học	07/2021	25	Trường ĐH Hoa Lư
2	YBTrY-KTNN50	LT từ TC-ĐH	07/2021	9	Tr CĐ nghề Yên Bái
		LT từ TC-ĐH	08/2021	9	
		Đại học	10/2021	8	
		Đại học	2/2022	10	
		LT từ TC-ĐH	3/2022	1	
3	LCD-KTNN50	Đại học	12/2021	15	TT GDNN-GDTX Văn Bàn

3.4. Kế hoạch tuyển sinh mới năm học 2021 - 2022

Tổng số tuyển mới theo kế hoạch tuyển sinh năm học 2021 - 2022 là 500 sinh viên (chiếm 30% so với chỉ tiêu tuyển sinh hệ chính qui).

3.5. Kế hoạch thu học phí

3.5.1. Đối với các lớp Khóa 49 – Khóa 52

- Kỳ 1: Từ 09/2021 – 11/2021.

- Kỳ 2: Từ 03/2022 – 05/2022.

3.5.2. Đối với các lớp Khóa 53 (tuyển sinh từ năm 2021)

Thu vào học kỳ đầu tiên sau khi nhập học, các học kỳ sau thời gian thu học phí như các lớp K49 – K52

3.6. Kế hoạch phân bổ thời gian trong năm học

3.6.1. Đối với các lớp Khóa 49 – Khóa 52

Kỳ I: 04 tháng (từ 10/09/2021 – 28/11/2021)

Kỳ II: 04 tháng (từ 04/03/2022 – 29/05/2022)

3.6.2. Đối với các lớp Khóa 53 (tuyển sinh từ năm 2021)

Thời gian Học kỳ đầu tiên cụ thể theo từng đợt tuyển sinh, các học kỳ tiếp theo thực hiện như các khóa 49 – 52

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

4.1. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ

4.1.1. Kế hoạch giảng dạy K28: Tổng số 192 học viên

TT	Khóa	Số học viên	Ghi chú
1	K27	237	KTNN: 48; CNSH: 1; CN:3: TY:6; KHMT: 6; QLDD: 121; KHCT: 2; LH:47; PTNT: 3
2	K28	192	KTNN: 28; CNSH: 5; CN:6: TY:15; KHMT: 23; QLDD: 87; KHCT: 15; LH:5; QLTNR: 8
3	K29	93	Trúng tuyển đợt 1/2021 Dự kiến thi TS đợt 2: Tháng 8/2021
	Tổng	522	

4.1.2. Kế hoạch đào tạo năm 2021-2022

Khóa	Nội dung	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
K27	TTTN			x	x	x							
	Viết LV						x						
	BVLV								x	x	x	x	
	Xét và cấp bằngTN												x
K28	Học kỳ 2			x	x	x							
	Thi HK						x						
	BV đề cương						x						
	Học kỳ 3								x	x	x	x	
	Thi HK 3												x
K29	Học kỳ 1								x	x	x	x	
	Thi HK												x

4.2. Kế hoạch đào tạo NCS: Tổng số NCS 29

4.2.1. Tổ chức bảo vệ đề cương

Tổ chức bảo vệ đề cương cho NCS khóa 22 (đợt xét tuyển tháng 6, 10, 12 năm 2020)

4.2.2. Tổ chức giảng dạy 8 tín chỉ

Xây dựng thời khóa biểu, tổ chức và quản lý giảng dạy 8 tín chỉ cho các ngành đào tạo tiến sĩ tuyển sinh năm 2021.

4.2.3. Tổ chức bảo vệ chuyên đề

Tổ chức bảo vệ chuyên đề cho NCS đến hạn phải bảo vệ chuyên đề từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2022

+ Ngành KST & VSV học thú y: Phạm Chiến Thắng, Trần Nhật Thắng, Trần Trung Mỹ.
+ Ngành QLĐĐ: Phạm Xuân Thiều, Trương Thành Nam, Tạ Ngọc Long.
+ Ngành Lâm sinh: Trịnh Quang Huy.
+ Ngành KHMT: Đặng Xuân Thường, Nguyễn Thị Minh Huệ, Nguyễn Thế Khoa, Trương Đức Giao, Nguyễn Hoàng, Đặng Quý Nhân, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thùy Giang.
+ Ngành Phát triển nông thôn: Đặng Thị Bích Huệ, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Sinh Huỳnh, Lý Thị Thùy Dương, Ngô Tất Thắng.

4.2.4. Tổ chức bảo vệ bài tiểu luận tổng quan

Tổ chức bảo vệ bài tiểu luận tổng quan cho NCS đến hạn phải bảo vệ chuyên đề từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2022

+ Ngành KST & VSV học thú y: Phạm Chiến Thắng, Trần Nhật Thắng, Trần Trung Mỹ.
+ Ngành Chăn nuôi: Nguyễn Thị Minh Thuận
+ Ngành QLĐĐ: Phạm Xuân Thiều, Trương Thành Nam, Tạ Ngọc Long.
+ Ngành Lâm sinh: Trịnh Quang Huy.
+ Ngành KHMT: Đặng Xuân Thường, Nguyễn Thị Minh Huệ, Nguyễn Thế Khoa, Trương Đức Giao, Nguyễn Hoàng, Đặng Quý Nhân, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thùy Giang.
+ Ngành Phát triển nông thôn: Đặng Thị Bích Huệ, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Sinh Huỳnh, Lý Thị Thùy Dương, Ngô Tất Thắng.

4.2.5. Tổ chức Siminar

Phối hợp với khoa chuyên môn tổ chức siminar cho một số NCS (khoa chuyên môn tổ chức thực hiện, Phòng Đào tạo giám sát).

4.2.6. Bảo vệ cấp cơ sở

Dự kiến bảo vệ luận án cấp cơ sở cho NCS theo khóa năm như sau:

TT	Họ tên	Ngành	Dự kiến thời gian bảo vệ
NGHIÊN CỨU SINH K16 – Năm 2014			
1	Nguyễn Thị Minh Huệ	KHMT	Tháng 8/2021
NGHIÊN CỨU SINH K17 – Năm 2015			
1	Đặng Xuân Thường	KHMT	Tháng 8/2021 đến tháng 12/2021
2	Phạm Xuân Thiều	QLĐĐ	Tháng 8/2021 đến tháng 12/2021
NGHIÊN CỨU SINH K18 – Năm 2016			
1	Lê Tuấn Định	QLĐĐ	Tháng 8/2021 đến tháng 10/2021
2	Nguyễn Thị Minh Thuận	Chăn nuôi	Tháng 4/2022 đến tháng 7/2022

PHẦN 2
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

A: HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y

Thú y K49 N01 - 50

Thực tập tốt nghiệp từ 18/5/2021 – 25/11/2021	Học 15 tuần: 03/01 - 08/05/2022 Rèn nghề 2: 2 tuần tại Bệnh xá thú y (xen lịch lý thuyết), 3 tuần tại địa phương từ 21/3 – 10/4/2022 Kiểm tra giữa kỳ: 28/02 – 13/03/2022 Thi học kỳ: 09/05 – 05/06/2022 Bảo vệ khóa luận và xét tốt nghiệp: tháng 6 năm 2022

Kỳ 1

1	Nguyễn Thị Minh Huệ	KHMT	Tháng 01/2022 đến tháng 02/2022
NGHIÊN CỨU SINH K17 – Năm 2015			
1	Đặng Xuân Thường	KHMT	Tháng 01/2022 đến tháng 4/2022
2	Phạm Xuân Thiều	QLĐĐ	Tháng 01/2022 đến tháng 4/2022
NGHIÊN CỨU SINH K18 – Năm 2016			
1	Lê Tuấn Định	QLĐĐ	Tháng 01/2022 đến tháng 4/2022
NGHIÊN CỨU SINH K19 – Năm 2017			
1	Lê Văn Bầy	PTNT	Tháng 8/2021 đến tháng 9/2021
2	Nguyễn Văn Tâm	KST & VSV	Tháng 1/2022 đến tháng 5/2022
3	Nguyễn Văn Tuyên	KST & VSV	Tháng 1/2022 đến tháng 5/2022
4	Phan Thanh Hà	QLĐĐ	Tháng 12/2021 đến tháng 01/2022
5	Nguyễn Mỹ Hải	Lâm sinh	Tháng 12/2021 đến tháng 01/2022

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	Phạm Thị Trang
2	Dược liệu	2	Dương Thị Hồng Duyên
3	Luật Thú y	2	Nguyễn Thị Thúy My
4	Vệ sinh chăn nuôi	2	Phạm Thị Phương Lan
5	Bệnh ở động vật thủy sản	2	Ngô Nhật Thắng
6	Bệnh ở động vật hoang dã	2	Nguyễn Thị Ngân
7	Chăn nuôi động vật quý hiếm	2	Phùng Đức Hoàn
8	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Nguyễn Thị Minh Thuận
9	Một sức khỏe	2	Trần Nhật Thắng
10	Rèn nghề 2: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi	5	Nguyễn Thu Quyên
	Cộng	**23**	

Thú y K49 N02 - 52

Thực tập tốt nghiệp từ 13/6/2021 – 20/12/2021	Học 15 tuần: 03/01 - 08/05/2022 Rèn nghề 2: 2 tuần tại Bệnh xá thú y (xen lịch lý thuyết), 3 tuần tại địa phương từ 21/3 – 10/4/2022 Kiểm tra giữa kỳ: 28/02 – 13/03/2022 Thi học kỳ: 09/05 – 05/06/2022 Bảo vệ khóa luận và xét tốt nghiệp: tháng 6 năm 2022

Kỳ 1

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	Phạm Thị Trang
2	Công nghệ sản xuất và sử dụng văcxin	2	Nguyễn Thị Bích Đào
3	Luật Thú y	2	Nguyễn Văn Đại

4	Vệ sinh chăn nuôi	2	Phạm Thị Phương Lan
5	Bệnh ở động vật thủy sản	2	Ngô Nhật Thắng
6	Bệnh ở động vật hoang dã	2	Lê Minh
7	Chăn nuôi động vật quý hiếm	2	Phùng Đức Hoàn
8	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Lê Minh Châu
9	Phúc lợi động vật	2	Nguyễn Vũ Quang
10	Rèn nghề 2: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi	5	Nguyễn Thị Minh Thuận
	Cộng	**23**	

Thú y K49 N03 - 50

Học 12 tuần từ 16/8/2021 – 7/11/2021 Rèn nghề 2: 2 tuần tại Bệnh xá thú y (xen lịch lý thuyết), 3 tuần tại địa phương từ 20/9 – 10/10/2021 Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ 3 tuần 10/11 – 30/11/2021	Thực tập tốt nghiệp từ 3/12/2021 – 3/6/2022 Bảo vệ khóa luận và xét tốt nghiệp: tháng 6 năm 2022

Kỳ 1

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	Phạm Thị Trang
2	Dược liệu	2	Dương Thị Hồng Duyên
3	Luật Thú y	2	Nguyễn Văn Đại
4	Bệnh ở động vật thủy sản	2	Lê Minh Châu
5	Bệnh ở động vật hoang dã	2	Lê Minh
6	Chăn nuôi động vật quý hiếm	2	Lê Minh Toàn
7	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Phạm Diệu Thùy
8	Một sức khỏe	2	Trần Nhật Thắng
9	Rèn nghề 2: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi	5	Nguyễn Mạnh Cường
	Cộng	**21**	

Kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Chăn nuôi Thú y K50 - 43

Thực tập nghề nghiệp từ 01/7 – 02/10/2021 Học 6 tuần từ 04/10 – 14/11/2021 Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ: 17/11 – 30/11/2021	Thực tập tốt nghiệp từ 3/12/2021 – 3/6/2022 Bảo vệ khóa luận và xét tốt nghiệp: tháng 6 năm 2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Phân tích Chuỗi giá trị	3	Đoàn Thị Mai, KHOA KT & PTNT
2	Phúc lợi động vật và Luật chuyên ngành	2	Nguyễn Vũ Quang
3	Vệ sinh gia súc	2	Nguyễn Thu Quyên
4	Kiểm nghiệm thú sản	3	Phạm Diệu Thùy
5	TTNN: Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia cầm	5	BM CN (tính giờ chung)
	Cộng	**15**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Thú y K50 N01, 03 – 34, 35

Học 5 tuần từ 16/8 – 19/9/2021 Kiểm tra giữa kỳ: 12/9 – 19/9/2021 Thi học kỳ kỳ 2 tuần từ 20/9 – 01/10/2021 Thực tập nghề nghiệp từ 02/10/2021 – 01/01/2022	Học 12 tuần: 03/01 – 17/4/2022 Rèn nghề: 3 tuần tại địa phương từ 21/3 – 10/4/2022 Kiểm tra giữa kỳ: 28/02 – 13/03/2022 Thi học kỳ 4 tuần 18/4 – 14/5/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh nội khoa thú y	3	Dương Thị Hồng Duyên
2	Ngoại khoa thú y	3	Đỗ Thị Lan Phương
3	Sản khoa thú y	3	La Văn Công
4	TTNN: Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trang trại gia cầm	5	BM CN (tính giờ chung)
	Cộng	**14**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Một sức khỏe trong thú y	2	Trần Nhật Thắng
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	KHOA CB
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Trương Hữu Dũng
4	Bệnh ở động vật hoang dã	2	Lê Minh

5	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	KHOA CB
6	Bệnh ở chó mèo	2	Đặng Thị Mai Lan
7	Độc chất học thú y	2	Nguyễn Hữu Hòa
8	Rèn nghề: Kỹ năng chẩn đoán lâm sàng thú y	3	Nguyễn Thị Bích Đào
	Cộng	**17**	

Thú y K50 N02– 39

Học 15 tuần từ 16/08 - 28/11/2021 Rèn nghề: 3 tuần tại địa phương từ 20/9 – 10/10/2021 Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ 3 tuần 29/11 – 19/12/2021	Thực tập nghề nghiệp từ 30/12/2021 – 03/04/2022 Học 6 tuần 04/4 – 15/5/2022 Kiểm tra giữa kỳ: 02/5 – 15/5/2022 Thi học kỳ 2 tuần 16/5 – 29/5/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh nội khoa thú y	3	Phan Thị Hồng Phúc
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	KHOA CB
3	Bệnh ở chó mèo	2	Đặng Thị Mai Lan
4	Bệnh ở động vật hoang dã	2	Nguyễn Thị Ngân
5	Độc chất học thú y	2	Nguyễn Hữu Hòa
6	Ngoại khoa thú y	3	Đỗ Thị Lan Phương
7	Rèn nghề: Kỹ năng chẩn đoán lâm sàng thú y	3	Đỗ Thị Lan Phương
	Cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Một sức khỏe trong thú y	2	Trần Nhật Thắng
2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	KHOA CB
3	Sản khoa thú y	3	La Văn Công
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Trần Văn Thăng
5	TTNN: Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trang trại gia cầm	5	BM CN (tính giờ chung)
	Cộng	**15**	

Chăn nuôi Thú y K51 - 26

Học 15 tuần từ 16/08 - 28/11/2021 TTNN: 2 tuần tại địa phương từ 27/9 – 10/10/2021 Rèn nghề: 3 tuần tại địa phương từ 8/11 – 28/11/2021 Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ 3 tuần 13/12/2021 – 02/01/2022	Học 6 tuần từ 03/01 – 13/3/2022 Kiểm tra giữa kỳ: 01/3 – 13/3/2022 Thi học kỳ kỳ 2 tuần từ 14/3 – 01/4/2022 Thực tập nghề nghiệp từ 02/4/2022 – 03/07/2022

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Chăn nuôi gia cầm	4	Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Thúy My
2	Marketing	3	Đỗ Trung Hiếu
3	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	Trần Văn Thăng
4	Ngoại - sản thú y	3	La Văn Công
5	Rèn nghề: Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gia súc nhai lại	3	Trần Thị Hoan
6	TTNN: Tiêm phòng chống dịch	2	La Văn Công
	Cộng	**19**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	KHOA CB
2	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Lê Minh
3	Chăn nuôi lợn	4	Trần Văn Phùng
4	Công nghệ sinh sản	2	Bùi Ngọc Sơn
5	TTNN: Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia cầm	5	BM CN (tính giờ chung)
6	**Cộng**	**16**	

Chăn nuôi Thú y K51 (Pohe) – 28

Học 15 tuần từ 16/08 - 28/11/2021 TTNN: 4 tuần tại địa phương từ 20/9 – 17/10/2021 Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ 3 tuần 13/12/2021 – 02/01/2022	Học 6 tuần từ 03/01 – 13/3/2022 Kiểm tra giữa kỳ: 01/3 – 13/3/2022 Thi học kỳ 2 tuần từ 14/3 – 01/4/2022 Thực tập nghề nghiệp từ 02/4/2022 – 03/07/2022

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	Trần Văn Thăng
2	Chăn nuôi gia cầm	4	Nguyễn Thị Thúy My
3	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	Nguyễn Đức Trường
4	Bệnh nội khoa thú y	2	Dương Thị Hồng Duyên
5	Phương pháp tiếp cận thị trường	2	Nguyễn Mạnh Thắng, KHOA KT & PTNT
6	Ngoại – sản thú y	3	La Văn Công
7	TTNN: Tiêm phòng chống dịch	4	Phan Thị Hồng Phúc
	Cộng	**22**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số**	**Giảng viên giảng dạy**

		TC	
1	Chăn nuôi lợn	4	Bùi Thị Thơm
2	Chăn nuôi Động vật quý hiếm	2	Lê Minh Toàn
3	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Đỗ Thị Lan Phương
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	KHOA CB
5	TTNN: Xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi tập trung	5	BM CN tính giờ chung cả khoa
	Cộng	**16**	

Chăn nuôi Thú y K51 – học thêm để công nhận bằng Kỹ sư

Thực tập nghề: 3 tuần tại trường xen lịch lý thuyết, 2 tuần tại địa phương từ 29/11 – 11/12/2021 (chỉ có SV lớp CNTY51 học)	Học 6 tuần từ 03/01 – 13/3/2022 Kiểm tra giữa kỳ: 01/3 – 13/3/2022 Thi học kỳ kỳ 2 tuần từ 14/3 – 01/4/2022 (sắp xếp học lệch buổi với lớp CNTY51, CNTY51POHE học chính) Đề nghị nhà trường cho phép tính giờ vào năm học 2022 - 2023

Kỳ 1

STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	TTNN: Chăn nuôi gia súc nhai lại	5	Nguyễn Đức Trường (3TC), Trần Thị Hoan (2TC)
	Cộng	**5**	

Kỳ 2

STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Chăn nuôi cá nước ngọt	3	Lê Minh Châu
2	Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi	3	Nguyễn Thu Quyên
6	**Cộng**	**6**	

Thú y K51 - 50

Học 15 tuần từ 16/08 - 28/11/2021 Rèn nghề xen lịch lý thuyết Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ 5 tuần 29/11 – 02/01/2022	Học 15 tuần: 03/01 - 08/05/2022 TTNN: 3 tuần tại địa phương từ 21/3 – 10/4/2022 Rèn nghề xen lịch lý thuyết Kiểm tra giữa kỳ: 28/02 – 13/03/2022 Thi học kỳ 4 tuần 09/05 – 05/06/2022

Kỳ 1

STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Dịch tễ học thú y	2	Phạm Thị Phương Lan
2	Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin	2	Nguyễn Thị Bích Đào
3	Chẩn đoán bệnh thú y	3	Nguyễn Thị Ngân

4	Công nghệ sinh sản	2	Bùi Ngọc Sơn
5	Bệnh lý học thú y	3	Nguyễn Thị Bích Đào
6	Chăn nuôi chuyên khoa	4	Bùi Thị Thơm
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	KHOA CB
8	Khoa học quản lý	2	Nguyễn Mạnh Thắng, KHOA KT & PTNT
9	Rèn nghề: Sử dụng phần mềm quản lý dịch bệnh	1	Phạm Thị Phương Lan
	Cộng	**21**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	Vũ Khắc Hùng
2	Marketing	3	Đỗ Trung Hiếu
3	Khởi sự kinh doanh	3	Vũ Thị Hiền/Nguyễn Quốc Huy
4	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Nguyễn Thị Kim Lan
5	TTNN: Tiêm phòng chống dịch	3	Phan Thị Hồng Phúc
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	KHOA CB
7	Rèn nghề: Kỹ năng chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho vật nuôi tại Bệnh xá thú y	1	Nguyễn Thu Trang
	Cộng	**19**	

Chăn nuôi Thú y K52 - 29

Học 15 tuần từ 16/08 - 28/11/2021 Rèn nghề xen lịch lý thuyết Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ 5 tuần 29/11 – 02/01/2022	Học 15 tuần: 03/01 - 08/05/2022 Rèn nghề xen lịch lý thuyết Kiểm tra giữa kỳ: 28/02 – 13/03/2022 Thi học kỳ 4 tuần 09/05 – 05/06/2022

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	GDTC 3	1	KHOA CB
2	Tiếng Anh 3	3	TT NN & TH
3	Hoá sinh động vật	2	Cù Thị Thúy Nga
4	Sinh lý động vật	3	Từ Trung Kiên
5	Di truyền và Giống vật nuôi	3	Trần Huê Viên
6	Kinh tế chính trị	2	KHOA CB
7	Mô học động vật	2	Nguyễn Thu Trang
8	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	4	Từ Quang Hiển
9	Giải phẫu động vật	3	Đặng Thị Mai Lan
10	Rèn nghề: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm	2	Nguyễn Mạnh Cường
	Cộng	**25**	
Kỳ 2			

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Nội - Chẩn thú y	3	Dương Thị Hồng Duyên
2	RN: Sử dụng phần mềm quản lý trong kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y	1	Từ Trung Kiên
3	Tập tính và Phúc lợi động vật	3	Hồ Thị Bích Ngọc
4	Dược lý học thú y	3	Nguyễn Hữu Hòa
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	KHOA CB
6	Chăn nuôi gia cầm	4	Trần Thị Hoan
7	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	Nguyễn Đức Trường
8	Giáo dục quốc phòng-An ninh (165 tiết = 5 tuần)	-	
	Cộng	**19**	

Chăn nuôi Thú y K52 (Pohe) – 35

Học 15 tuần từ 16/08 - 28/11/2021 Rèn nghề xen lịch lý thuyết Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ 5 tuần 29/11 – 02/01/2022	Học 15 tuần: 03/01 - 08/05/2022 Rèn nghề xen lịch lý thuyết Kiểm tra giữa kỳ: 28/02 – 13/03/2022 Thi học kỳ 4 tuần 09/05 – 05/06/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	GDTC 3	1	KHOA CB
2	Tiếng Anh 3	3	TT NN & TH
3	Hoá sinh động vật	2	Cù Thị Thúy Nga
4	Sinh lý động vật	3	Từ Trung Kiên
5	Di truyền và Giống vật nuôi	3	Hồ Thị Bích Ngọc
6	Kinh tế chính trị	2	KHOA CB
7	Mô học động vật	2	Nguyễn Thu Trang
8	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	4	Từ Quang Hiển
9	Giải phẫu động vật	3	Đặng Thị Mai Lan
10	Rèn nghề: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm	2	Nguyễn Thị Minh Thuận
	Cộng	**25**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Nội - Chẩn thú y	3	Dương Thị Hồng Duyên
2	RN: Sử dụng phần mềm quản lý trong kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y	1	Từ Trung Kiên
3	Tập tính và Phúc lợi động vật	3	Nguyễn Vũ Quang

4	Dược lý học thú y	3	Nguyễn Hữu Hòa
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	KHOA CB
6	Chăn nuôi gia cầm	4	Nguyễn Duy Hoan
7	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	Nguyễn Đức Trường
8	Giáo dục quốc phòng-An ninh (165 tiết = 5 tuần)	-	
	Cộng	**19**	

Thú y K52 N01,02 – 43,55

Học 15 tuần từ 16/08 - 28/11/2021 Rèn nghề xen lịch lý thuyết Kiểm tra giữa kỳ: 18/10 – 7/11/2021 Thi học kỳ 5 tuần 29/11 – 02/01/2022	Học 15 tuần: 03/01 - 08/05/2022 Rèn nghề xen lịch lý thuyết Kiểm tra giữa kỳ: 28/02 – 13/03/2022 Thi học kỳ 4 tuần 09/05 – 05/06/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	GDTC 3	1	KHOA CB
2	Hoá sinh động vật	2	Cù Thị Thúy Nga
3	Mô học động vật	2	Nguyễn Thu Trang
4	Sinh lý động vật	4	Cù Thị Thúy Nga lớp 52 N01, Từ Trung Kiên 52 N02
5	Vi sinh vật thú y	3	Ngô Nhật Thắng
6	Dinh dưỡng động vật	2	Nguyễn Hưng Quang
7	Giải phẫu động vật	4	Đặng Thị Mai Lan
8	RN: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm	3	Nguyễn Thị Minh Thuận (TY 52 N01), Nguyễn Mạnh Cường (TY 52 N02)
	Cộng	**21**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dược lý học thú y	3	Nguyễn Quang Tính
2	Tiếng Anh 3	3	TT NN & TH
3	Chẩn đoán bệnh thú y	3	Dương Thị Hồng Duyên
4	Miễn dịch học thú y	2	Đặng Xuân Bình
5	Bệnh lý học thú y	3	Nguyễn Thị Bích Đào
6	RN: Sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thuốc thú y	1	Phạm Diệu Thùy
7	Kinh tế chính trị	2	KHOA CB
8	Giáo dục quốc phòng-An ninh (165 tiết = 5 tuần)	-	
	Cộng	**17**	

KHOA MÔI TRƯỜNG

Khoa học môi trường K50 - 10

- Học 11 tuần, từ 16/8 đến 31/10/2021 - RN1,2,3: 4 tuần, từ 01/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tự động hóa trong xử lý môi trường	2	Hoàng Quý Nhân
2	Dịch tễ học và vệ sinh môi trường	3	Đỗ Thị Lan
3	Xây dựng QL dự án	3	Hà Đình Nghiêm
4	Kinh tế môi trường	3	Nguyễn Thị Huệ
5	Thanh tra và kiểm toán môi trường	3	Đỗ Thị Lan
6	Sản xuất sạch hơn	3	Hà Đình Nghiêm
7	Rèn nghề 1: Quan trắc và phân tích một số chỉ tiêu môi trường	2	Hoàng Thị Lan Anh
8	Rèn nghề 2: Đồ án thiết kế hệ thống xử lý nước thải	2	Trần Hải Đăng
9	Rèn nghề 3: Lập hồ sơ pháp lý về môi trường	1	Nguyễn Thị Huệ
	Cộng	**22**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Khoa học môi trường K51 - 16

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - TTNN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 13 tuần, từ 03/01 đến 17/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 2 tuần, từ 18/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	Công nghệ môi trường	3	Dư Ngọc Thành
3	Độc học môi trường	3	Nguyễn Ngọc Sơn Hải
4	Luật và chính sách môi trường	3	Hoàng Thị Lan Anh
5	Truyền thông môi trường	3	Nguyễn Thị Huệ
6	Mô hình hóa môi trường	3	Hoàng Quý Nhân

7	Thực tập nghề 1: Thăm quan các công trình quản lý, xử lý môi trường hiện đại	1	Dư Ngọc Thành
	Cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa CB
2	Kỹ thuật xử lý nước thải và chất thải rắn	3	Dư Ngọc Thành
3	Quy hoạch môi trường	3	Hà Đình Nghiêm
4	Đánh giá tác động môi trường	3	Dương Thị Minh Hòa
5	Tin học ứng dụng trong môi trường	2	Nguyễn Thanh Hải
6	Quan trắc môi trường	4	Hoàng Thị Lan Anh
7	Rèn nghề 1: Quan trắc và phân tích một số chỉ tiêu môi trường	2	Dương T Minh Hòa
	Cộng	**19**	

Quản lý thông tin K51 - 8

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - TTNN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 12 tuần, từ 03/01 đến 10/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 3 tuần, từ 11/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (học ghép K51+ K52)	4	Nguyễn Ngọc Lan
2	Đồ họa máy tính	4	Trần Hải Đăng
3	Phân tích và thiết hệ thống thông tin – (học ghép QLTT K51 + QLTTK52)	4	Đinh Thị Thanh Uyên
4	Hệ thống thông tin địa lý	4	Nguyễn Thanh Hải
5	TTNN1: Thăm một số cơ sở công nghệ thông tin	1	Dư Ngọc Thành
	Cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa CB
2	Công nghệ Blockchain	4	Dư Ngọc Thành
3	Thông tin đa phương tiện	4	Hoàng Quý Nhân
4	Công nghệ IOT	4	Hoàng Quý Nhân
5	Rèn nghề 1: Xây dựng bản đồ từ ảnh viễn thám	3	Nguyễn Văn Hiếu
	Cộng	**17**	

Khoa học môi trường K52 - 24

- Học 15 tuần, từ 16/8 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 15 tuần, từ 03/01 đến 01/5/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	GDTC 3	1	KCB
2	Tiếng Anh 3	3	KCB
3	Vi sinh vật Đại cương	3	Dư Ngọc Thành
4	Sinh Thái MT	3	Dương Minh Ngọc
5	Cơ sở khoa học môi trường	3	Dương Thị Minh Hòa
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	KCB
7	Đa dạng sinh học	3	Dương Minh Ngọc
	Cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Quản lý MT và PTBV	3	Nguyễn Thị Huệ
2	Biến đổi khí hậu	3	Dương Minh Ngọc
3	Độc học môi trường	3	Nguyễn Ngọc Sơn Hải
4	Ô nhiễm môi trường	3	Hà Đình Nghiêm
5	Cơ sở KT xử lý MT	3	Dương Thị Minh Hòa
6	Truyền thông môi trường	3	Nguyễn Thị Huệ
	Cộng	**18**	

Quản lý thông tin K52 - 11

- Học 15 tuần, từ 16/8 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 12 tuần, từ 03/01 đến 10/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 3 tuần, từ 11/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	GDTC 3	1	KCB
2	Tiếng Anh 3	3	TTNNTH
3	Sinh thái môi trường	3	Dương Minh Ngọc
4	Cơ sở viễn thám	3	Nguyễn Văn Hiếu
5	Cơ sở khoa học môi trường	3	Dương Thị Minh Hòa
6	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	Nguyễn Ngọc Lan
7	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Hứa Thị Toàn

	Cộng	**19**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	KCB
2	Quản lý dự án công nghệ thông tin(học ghép K51+ K52)	3	Đinh Thị Thanh Uyên
3	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	Nguyễn Ngọc Lan
4	Xây dựng và quản lý dự án	3	Hà Đình Nghiêm
5	Thiết kế Web (học ghép K51+ K52)	4	Hứa Thị Toàn
6	Rèn nghề 1: Xây dựng bản đồ từ ảnh viễn thám (học ghép với K51 + K52 QLTT)	3	Nguyễn Văn Hiếu
	Cộng	**18**	

KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN

Quản lý đất đai K50 - 27

- Học 12 tuần, từ 16/8 đến 07/11/2021 - TTNN: 3 tuần, từ 08/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp: 5 tháng

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đăng ký, thống kê đất đai	3	
2	Thương mại điện tử	3	Nguyễn Văn Hiếu
3	Hệ thống thông tin đất	3	Nguyễn Ngọc Anh
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
5	Quy hoạch phát triển nông thôn	3	Quy hoạch phát triển nông thôn
6	TTNN 3: Công tác quản lý nhà nước về đất đai cấp cơ sở	3	Nguyễn Khắc Thái Sơn
	Cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Quản lý tài nguyên & Du lịch sinh thái K50 – 18

- Học 12 tuần, từ 16/8 đến 07/11/2021 - TTNN: 3 tuần, từ 08/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp: 5 tháng

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị khách sạn, nhà hàng	3	Ngô Thị Hồng Gấm
2	Thương mại điện tử	3	Nguyễn Văn Hiếu
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
4	Du lịch sinh thái	3	Hoàng Hữu Chiến
5	Kỹ thuật pha chế đồ uống	3	Nguyễn Thu Thùy
6	TTNN3: Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	3	Nông Thị Thu Huyền
	Cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Quản lý đất đai K51 - 29

- Học 9 tuần, từ 16/8 đến 17/10/2021 - RN: 3 tuần, từ 18/10 đến 07/11/2021 - TTNN: 2 tuần, từ 08/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 15 tuần, từ 03/01 đến 01/5/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Hệ thống thông tin địa lý	3	Đàm Xuân Vận
2	Đánh giá đất	3	Nông Thị Thu Huyền
3	Khởi sự kinh doanh	3	Trần Thị Mai Anh
4	Kinh tế tài nguyên	3	Trương Thành Nam
5	Cơ sở viễn thám	3	Phan Đình Binh
6	TTNN 2: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng sử dụng đất nông nghiệp cấp xã phường	3	Nông Thị Thu Huyền
7	Rèn nghề 2: Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ ảnh viễn thám	3	Ngô Hồng Gấm
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	Cộng	**20**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
2	Khoa học phong thủy	2	Nông Thị Thu Huyền
3	Quy hoạch sử dụng đất	4	Vũ Thị Quý
4	Quản lý nhà nước về đất đai	4	Nguyễn K Thái Sơn
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Phan Đình Binh
6	Pháp luật và thanh tra đất đai	4	Nguyễn Thùy Linh
	Cộng	**19**	

Quản lý tài nguyên & Du lịch sinh thái K51 – 22

- Học 12 tuần, từ 16/8 đến 07/11/2021 - TTNN: 3 tuần, từ 08/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 10 tuần, từ 03/01 đến 27/3/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 5 tuần, từ 28/3 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Quản lý môi trường và PTBV	3	Nguyễn Thu Thùy
2	Khởi sự kinh doanh	3	Nguyễn Quốc Huy
4	Địa lý du lịch	3	Nguyễn Đình Thi
5	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	Nông Thị Thu Huyền
6	TTNN3: Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	3	TTNN 3: Thực tập nghiệp vụ du lịch sinh thái
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
	Cộng	**17**	

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch	3	Nguyễn Thùy Linh
2	Tiếng Trung sơ cấp	3	
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị khách sạn, nhà hàng	3	Ngô Hồng Gấm
4	Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	Khoa CNSH dậy
5	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	Vũ Thị Thanh Thủy
6	Rèn nghề (1-2-3-4)	5	Vũ Thị Thanh Thủy
7	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Khoa CB
	Cộng	**22**	

Quản lý đất đai K52 – 27 + Bất động sản K52 - 5

- Học 15 tuần, từ 16/8 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 15 tuần, từ 03/01 đến 01/5/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	GDTC3	1	Khoa CB
2	Bản đồ địa chính	3	Lê Văn Thơ
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa CB
4	Tiếng Anh 3	3	TTNNTH
5	Thổ nhưỡng	4	Nguyễn Đức Nhuận
6	Nhà nước và pháp luật	3	Vương Vân Huyền
7	Xây dựng và quản lý dự án	3	Nguyễn Đức Nhuận
	Cộng	**19**	

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
2	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	3	Dương Hồng Việt
3	Trắc địa I	4	Nguyễn Ngọc Anh
4	Hệ thống thông tin địa lý	3	Ngô Thị hồng Gấm
5	Đánh giá đất	3	Hoàng Hữu Chiến
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Phan Đình Binh
	Cộng	**18**	

Du lịch sinh thái K52 - 9

- Học 15 tuần, từ 16/8 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 14 tuần, từ 03/01 đến 24/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 1 tuần, từ 26/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tiếng anh 3	3	TTNNTH
2	GDTC3	1	Khoa CB
3	Văn hóa ẩm thực	4	Vũ Thị Kim Hảo
4	Kỹ năng thuyết trình	3	Nguyễn Khắc Thái Sơn
5	Đa dạng sinh học	3	Dương Hồng Việt
6	Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam	3	Nguyễn Thu Thùy
7	Nhà nước và pháp luật	3	Vương Vân Huyền
	Cộng	**20**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tổng quan du lịch	3	Nguyễn Thùy Linh
2	Kinh tế chính trị	2	Khoa CB
3	Quản lý khu bảo tồn	3	Nguyễn Thị Lợi
4	Khởi sự kinh doanh	3	Nguyễn Quốc Huy
5	Cơ sở văn hóa các dân tộc	2	Nguyễn Đức Nhuận
6	Tổ chức sự kiện	3	Trương Thành Nam
7	TTNN 2: Xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái	1	Dương Hồng Việt
	Cộng	**18**	

KHOA LÂM NGHIỆP

Quản lý tài nguyên rừng K50 - 26

- Học 1 môn từ 16/8 đến 29/8/2021 - TTNN 3 từ 06/9 đến 19/9/2021 - Thực tập tốt nghiệp từ 20/9 đến 06/3/2022	- Học 8 tuần, từ 07/3 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Phương pháp tiếp cận khoa học (16.8-29.8.2021)	2	Ths. Nguyễn Thị Tuyên
2	TTNN3: Nghiệp vụ hành chính kiểm lâm (06.9-19.9.2021)	2	TS. Lê Văn Phúc
3	**Thực tập tốt nghiệp** (20.9.2021 đến 06.03.2022)	**10**	*Thực tập xuyên thời gian Tết nguyên đán*
	Cộng	**14**	

Kỳ 2 (Từ 7.3.2022 đến hết năm học 2021.2022)

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dịch vụ môi trường rừng	3	TS. Nguyễn Thanh Tiến
2	Hệ thống nông lâm kết hợp	3	TS. Đàm Văn Vinh
3	Quản lý dự án	3	TS. Hồ Ngọc Sơn
4	Quản trị doanh nghiệp	3	TS. Trần Công Quân
5	Truyền thông trong quản lý tài nguyên	3	TS. Lê Sĩ Hồng
	Cộng	**15**	

Lâm sinh K51 - 13

- Học 11 tuần, từ 16/8 đến 31/10/2021 - RN: 3 tuần, từ 01/11 đến 21/11/2021 - TTNN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 9 tuần, từ 03/01 đến 20/3/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN3: 4 tuần, từ 21/2 đến 20/3/2022 (trái buổi học lý thuyết) - TTNN3: 6 tuần, từ 21/3 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
2	Quản lý sâu bệnh hại	3	TS. Trần Thị Thanh Tâm
3	Điều tra sản lượng rừng	3	Ths. Phạm Đức Chính
4	Quản lý rừng bền vững	3	TS. Nguyễn Tuấn Hùng
5	Kinh tế rừng	3	TS. Trần Công Quân

6	Hệ thống nông lâm kết hợp	3	TS. Đàm Văn Vinh
7	Quản lý dự án	3	TS. Hồ Ngọc Sơn
8	RN1: Xây dựng vận hành vườn ươm	3	Ths. Đào Hồng Thuận
9	TTNN2: Thăm quan học tập mô hình sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá ttrị	1	Ths. Phạm Thu Hà
	Cộng	**24**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa CB
2	Dịch vụ môi trường rừng	3	TS. Nguyễn Thanh Tiến
3	Quản trị doanh nghiệp	3	TS. Trần Công Quân
4	Đất và sử dụng đất LN	3	TS. Nguyễn Thị Thu Hoàn
5	Chọn tạo giống cây rừng	3	Ths. Phạm Thu Hà
6	TTNN3: Xây dựng cơ sở dữ liệu lâm nghiệp	6	TS. Nguyễn Đăng Cường
7	RN3: Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin LN (FRMS)	4	Ths. Lục Văn Cường (trái buổi học lý thuyết)
	Cộng	**24**	

Quản lý tài nguyên rừng K51 - 09

Ghi chú: Cơ bản học các môn ghép cùng K51 Lâm sinh

(ghép cùng K51 Lâm sinh: 11 tuần) - Học 12 tuần, từ 16/8 đến 07/11/2021 - TTNN: 3 tuần, từ 08/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 11 tuần, từ 03/01 đến 03/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN2: 3 tuần, từ 14/3 đến 03/4/2022 (trái buổi học lý thuyết) - TTNN3: 4 tuần, từ 04/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
2	Quản lý sâu bệnh hại	3	TS. Trần Thị Thanh Tâm
3	Điều tra sản lượng rừng	3	TS. Nguyễn Thanh Tiến
4	Quản lý rừng bền vững	3	TS. Nguyễn Tuấn Hùng
5	Kinh tế rừng	3	TS. Trần Công Quân
6	Hệ thống nông lâm KH	3	TS. Đàm Văn Vinh
7	Quản lý dự án	3	TS. Hồ Ngọc Sơn
8	TTNN2: Đo đạc và điều tra tài nguyên rừng	3	Ths. Phạm Đức Chính
	Cộng	**23**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa CB

2	Dịch vụ môi trường rừng	3	TS. Nguyễn Thanh Tiến
3	Quản trị doanh nghiệp	3	TS. Trần Công Quân
4	Đất và sử dụng đất LN	3	TS. Nguyễn Thị Thu Hoàn
5	Nghiệp vụ kiểm lâm	3	TS. Đỗ Hoàng Chung
6	TTNN3: Điều tra thực vật rừng và đa dạng sinh học	3	TS. Nguyễn Thị Thoa
7	Quản trị rừng	3	TS. Nguyễn Tuấn Hùng
8	RN2: Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin lâm nghiệp	4	Ths. Lục Văn Cường (trái buổi học lý thuyết)
	Cộng	**24**	

Quản lý tài nguyên rừng K52 – 4 + Lâm sinh K52 – 10 + Chế biến lâm sản K52 - 2

Ghi chú: Học cơ bản theo khung ngành QLTNR

- Học 12tuần, từ 16/8 đến 07/11/2021 - RN: 3 tuần, từ 08/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 14 tuần, từ 03/01 đến 24/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - TTNN: 1 tuần, từ 26/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Phương pháp tiếp cận KH	3	
2	Kinh tế chính trị	2	Khoa CB
3	Tiếng Anh 3	3	TTNNTH
4	Thực vật rừng	3	TS. Đỗ Hoàng Chung
5	Đo đạc lâm nghiệp	3	Ths. Phạm Đức Chính
6	GDTC 3	1	Khoa CB
7	RN1: Xây dựng và vận hành vườn ươm	3	Ths. Đào Hồng Thuận
8	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)		
	Cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa CB
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	TS. Nguyễn Đăng Cường
3	Khoa học gỗ	3	Ths. Nguyễn Việt Hưng
4	Chọn tạo giống cây rừng	3	Ths. Phạm Thu Hà
5	Điều tra sản lượng rừng	3	TS. Nguyễn Thanh Tiến
6	Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp	3	Ths. Lục Văn Cường
7	Đất và sử dụng đất LN	3	TS. Nguyễn Thị Thu Hoàn
8	TTNN1: Tham quan, học tập tại VQG/khu bảo tồn	1	ThS. Nguyễn Văn Mạn
	Cộng	**21**	

KHOA NÔNG HỌC

Trồng trọt 50 - 20

- Học 13 tuần, từ 16/8 đến 14/11/2021 - RN4: 1 tuần, từ 15/11 đến 21/11/2021 - RN5: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp: 5 tháng

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Xây dựng và quản lý dự án	3	Nguyễn Viết Hưng
2	Nông nghiệp hữu cơ	2	Bùi Lan Anh
3	Công nghệ sau thu hoạch	3	Lê Quang Ưng
4	Công nghệ sản xuất cây dược liệu	2	Phạm Văn Ngọc
5	Quản trị doanh nghiệp	3	Đoàn Thị Thanh Hiền/ Nguyễn Mạnh Thắng
6	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	3	Nguyễn Thế Huấn
7	Rèn nghề 4: Kỹ thuật giâm cành chè	1	Dương Trung Dũng
8	Rèn nghề 5: Kỹ thuật sản xuất nấm	1	Hoàng Kim Diệu
	Cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Nông nghiệp công nghệ cao K50 - 20

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - RN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp: 5 tháng

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Quản trị doanh nghiệp	3	Đoàn Thị Thanh Hiền/ Nguyễn Mạnh Thắng
2	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	3	Nguyễn Thế Huấn
3	Xây dựng và quản lý dự án	3	Nguyễn Hữu Hồng
4	Nông nghiệp hữu cơ	2	Bùi Lan Anh
5	Công nghệ sau thu hoạch	3	Lê Quang Ưng
6	Rèn nghề 5: Kỹ thuật sản xuất nấm	1	Hoàng Kim diệu
	Cộng	**15**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Trồng trọt 51 - 15

- Học 11 tuần, từ 16/8 đến 31/10/2021 - RN: 1 tuần, từ 01/11 đến 07/11/2021 - TTNN: 3 tuần, từ 08/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 10 tuần, từ 03/01 đến 28/3/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - TTNN3: 5 tuần, từ 29/3 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa	3	Lê Thị Kiều Oanh, Bùi Lan Anh
3	Công nghệ sản xuất rau	3	Nguyễn Thúy Hà
4	Công nghệ sản xuất hoa	2	Đặng Thị Tố Nga
5	Kỹ thuật sản xuất cây trồng 1	2	Hoàng Kim Diệu
6	RN3:Điều tra và chuẩn đoán sâu bệnh hại	1	Lê Thị Kiều Oanh
7	TTNN2: Kỹ thuật sản xuất rau hoa CNC	3	Đào Thị Thanh Huyền
8	**Di truyền TV**	**3**	Lưu Thị Xuyến
	Cộng	**19**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Khoa CB
2	Kỹ thuật sản xuất cây trồng 2	4	Dương Trung Dũng
3	Kỹ năng mềm	3	Phạm Thị Thu Huyền
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Nguyễn Minh Tuấn
5	TTNN3: Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp trong sản xuất cây trồng	5	Vũ Thị Nguyên
	Cộng	**17**	

Nông nghiệp công nghệ cao K51 - 16

- Học 11 tuần, từ 16/8 đến 31/10/2021 - RN: 1 tuần, từ 01/11 đến 07/11/2021 - TTNN: 3 tuần, từ 08/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 10 tuần, từ 03/01 đến 28/3/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - TTNN3: 5 tuần, từ 29/3 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
2	Công nghệ sản xuất rau	3	Nguyễn Thúy Hà
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Nguyễn Minh Tuấn
4	Xây dựng và vận hành nhà kính, nhà lưới	2	Hà Việt Long

5	Quản lý dịch hại trong nhà kính, nhà lưới	2	Bùi Lan Anh
6	RN4: Kỹ thuật điều khiển môi trường sống cho cây trồng trong nhà có mái che	1	Hà Minh Tuân
7	TTNN2: Kỹ thuật sản xuất rau hoa ứng dụng CNC	3	Đào Thị Thanh Huyền
8	**Di truyền TV**	**3**	Lưu Thị Xuyến
	Cộng	**19**	

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Khoa CB
2	Kỹ năng mềm	3	Phạm Thị Thu Huyền
3	Ứng dụng CNTT trong quản lý và sản xuất nông nghiệp	3	Mời giảng
4	Công nghệ tưới tiêu	2	Trần Trung Kiên
5	Tự động hóa trong sản xuất cây trồng	2	Mời giảng
6	TTNN3: Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp trong sản xuất cây trồng	5	Vũ Thị Nguyên
	Cộng	**17**	

Trồng trọt K52 - 14

- Học 15 tuần, từ 16/8 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 15 tuần, từ 03/01 đến 01/5/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	GDTC 3	1	Khoa CB
2	Tiếng Anh 3	3	TTNNTH
3	Kinh tế chính trị	2	Khoa CB
4	Đấu tranh sinh học và phòng trừ cỏ dại	3	Dương Trung Dũng
5	Hóa sinh thực vật	3	Phạm Thị Thu Huyền
6	Kỹ năng mềm	3	Phạm Thị Thu Huyền
7	Chọn tạo giống cây trồng	3	Lưu Thị Xuyến
	Cộng	**18**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Sinh lý thực vật	3	Trần Đình Hà
2	Côn trùng và bệnh cây đại cương	3	Lê Thị Kiều Oanh, Dương Thị Nguyên

3	Đất và dinh dưỡng cây trồng	3	Phạm Văn Ngọc
4	Cây lương thực	3	Hoàng Kim Diệu
5	Cây công nghiệp dài ngày	3	Vũ Thị Nguyên
6	Khí tượng nông nghiệp và biến đổi khí hậu	3	Nguyễn Thị Mai Thảo
	Cộng	**18**	

Nông nghiệp công nghệ cao K52 - 42

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - RN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 15 tuần, từ 03/01 đến 01/5/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	GDTC 3	1	Khoa CB
2	Tiếng Anh 3	3	TTNNTH
3	Kinh tế chính trị	2	Khoa CB
4	Kỹ năng mềm	3	Phạm Thị Thu Huyền
5	Hóa sinh thực vật	3	Phạm Thị Thu Huyền
6	Giá thể và dinh dưỡng cây trồng	3	Phạm Văn Ngọc
8	R1:Sản xuất giá thể và pha chế dung dịch dinh dưỡng	1	Phạm Văn Ngọc
	Tổng	19	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Sinh lý thực vật	3	Trần Đình Hà
2	Nguyên lý sản xuất cây trồng trong nhà có mái che	3	Hà Việt Long
3	Quản lý đất và nước cho cây trồng	3	Vũ Thị Nguyên
4	Chọn tạo giống cây trồng	3	Lưu Thị Xuyến
5	Côn trùng và bệnh cây đại cương	3	Lê Thị Kiều Oanh, Dương Thị Nguyên
	Tổng	**15**	

KHOA KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Kinh tế nông nghiệp K50 - 23

- Học 13 tuần, từ 16/8 đến 14/11/2021 - TTNN: 2 tuần, từ 15/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp: 5 tháng

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Ứng dụng Blockchain trong nông nghiệp	3	PGS.TS. Đỗ Xuân Luận
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	TS. Nguyễn Hữu Thọ
3	Kinh tế lượng ứng dụng	3	TS. Hồ Văn Bắc
4	Xây dựng và quản lý dự án	3	Nguyễn Văn Tâm
5	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	3	Khoa CNSH
6	Bảo quản và chế biến nông sản	3	Khoa CNSH
7	TTNN2: Phân tích đánh giá các hoạt động sxkd của một đơn vị	2	Trần Thị Ngọc
	Cộng	**19**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Kinh tế nông nghiệp K51 – 9

- Học 13 tuần, từ 16/8 đến 14/11/2021 - RN2: 2 tuần, từ 15/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 13 tuần, từ 03/01 đến 17/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN3: 2 tuần, từ 18/4 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
2	Kinh tế hợp tác xã	3	Bùi Xuân Hồng
3	Khoa học quản lý	3	Vũ Thị Hiền/ Nguyễn Mạnh Thắng
4	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp	3	ThS. Đỗ Hoàng Sơn
5	Luật kinh doanh	3	Hồ Lương Xinh/ GV Thỉnh giảng
6	Kế toán doanh nghiệp	3	TS. Trần Lệ Thị Bích Hồng
7	Tài chính nông nghiệp	3	PGS.TS. Đỗ Xuân Luận
8	Rèn nghề 2: Đánh giá nông nghiệp, nông thôn có sự tham gia	2	Bùi Thị Minh Hà
	Cộng	**22**	

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa CB
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc
3	Ứng dụng Blockchain trong nông nghiệp	3	PGS.TS. Đỗ Xuân Luận
4	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	Nguyễn Đức Quang
5	Quản trị thương hiệu	3	TS. Hồ Văn Bắc
6	Kế toán máy	3	Ths. Vũ Thị Hải Anh
7	Khởi sự kinh doanh	3	Nguyễn Quốc Huy/ Đoàn Thị Thanh Hiền
8	Rèn nghề 3: Xây dựng đề án khởi nghiệp	2	Nguyễn Quốc Huy/ Đoàn Thị Thanh Hiền
	Cộng	**22**	

Kinh doanh quốc tế K51 - 5

- Học 13 tuần, từ 16/8 đến 14/11/2021 - RN: 2 tuần, từ 15/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 13 tuần, từ 03/01 đến 17/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 2 tuần, từ 18/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
2	Tài chính - Tiền tệ	3	Đỗ Xuân Luận/Vũ Thị Hiền
3	Thương mại điện tử	3	Nguyễn Thị Hiền Thương/Đoàn Thị Thanh Hiền
4	e- Marketing	3	Đỗ Hoàng Sơn/Nguyễn Quốc Huy
5	Nghiệp vụ ngoại thương	3	Nguyễn Thị Hiền Thương/Vũ Thị Hiền
6	Luật thương mại quốc tế	3	GV Thỉnh giảng
7	Rèn nghề 1: Xây dựng chiến lược quảng bá, tiêu thụ nông sản	2	Trần Thị Ngọc/Nguyễn Mạnh Thắng
	Cộng	**19**	
Kỳ 2			
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa CB
2	Giao dịch đàm phám kinh doanh	3	Nguyễn Thị Yến
3	Thanh toán quốc tế	3	Dương Hoài An/Đoàn Thị Thanh Hiền
4	Phần mềm quản lý XNK Vtranet	3	Dương Hoài An/Đoàn Thị Thanh Hiền
5	Thuế XNK	3	Cù Ngọc Bắc/Đỗ Hoàng Sơn
6	Logistic	3	Cù Ngọc Bắc/Hà Quang Trung
7	Rèn nghề 2: Hạch toán, đánh giá hiệu quả kinh tế	2	Hồ Văn Bắc/Dương Hoài An
	Cộng	**19**	

Kinh tế nông nghiệp K52 – 9
+ Kinh doanh nông nghiệp K52 - 3

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - TTNN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 13 tuần, từ 03/01 đến 17/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 2 tuần, từ 18/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	GDTC3	1	Khoa CB
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa CB
3	Tiếng Anh 3	3	TTNNTH
4	Nhà nước và pháp luật	3	Cù Ngọc Bắc
5	Kinh tế vĩ mô	3	Nguyễn Thị Yến
6	Nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	3	Lưu Thị Thuỳ Linh
7	TTNN1: Thăm quan học tập từ các mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao (doanh nghiệp, trang trại và hợp tác xã)	1	Ths. Dương Thị Thu Hoài
	Cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
2	Khoa học quản lý	3	Đoàn Thi Thanh Hiền/ Nguyễn Mạnh Thắng
3	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp	3	Ths. Đỗ Hoàng Sơn
4	Thống kê nông nghiệp	3	Bùi Thị Thanh Tâm
5	Tự chọn cơ sở ngành 1 (Marketing)	3	Ths. Đỗ Hoàng Sơn
6	Tự chọn cơ sở ngành 2 (Luật kinh doanh)	3	Hồ Lương Xinh/ GV thỉnh giảng
7	Rèn nghề 1: Xây dựng chiến lược quảng bá, tiêu thụ nông sản	2	Ths. Trần Thị Ngọc
	Cộng	**19**	

KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Công nghệ sinh học K50 - 18

- Học 13 tuần, từ 16/8 đến 14/11/2021 - RN: 2 tuần, từ 15/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp: 5 tháng

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm	2	Nguyễn Văn Duy
2	Nông nghiệp công nghệ cao	2	Nguyễn Tiến Dũng
3	Quản trị doanh nghiệp	3	Nguyễn Mạnh Hùng
4	Rèn nghề 3	2	Nguyễn Văn Duy
5	Tin sinh học ứng dụng	2	Bùi Tri Thức
6	Đất và dinh dưỡng cây trồng	2	Nguyễn Thị Tình
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Cơ bản
	Cộng	15	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	10	

Công nghệ thực phẩm K50 - 42

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - RN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp: 5 tháng

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm	3	Phạm Thị Vinh
2	Marketing	3	Đỗ Trung Hiếu
3	Quản trị doanh nghiệp	3	Nguyễn Mạnh Hùng
4	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	3	Lương Hùng Tiến
5	Phụ gia thực phẩm	2	Nguyễn Văn Bình
6	Rèn nghề 3	1	Lương Hùng Tiến/ Hoàng Quý Nhân
	Cộng	15	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Đảm bảo chất lượng ATTP K50 - 23

- Học 11 tuần, từ 16/8 đến 31/10/2021 - RN: 2 tuần, từ 01/11 đến 14/11/2021 - TTNN: 2 tuần, từ 15/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	Thực tập tốt nghiệp: 5 tháng

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Kiểm soát vi sinh thực phẩm	3	Nguyễn Văn Duy/ Lê Thanh Ninh
2	Kiểm soát và đảm bảo chất lượng các sản phẩm từ động vật	3	Phạm Thị Ngọc Mai
3	Marketing	3	Đỗ Trung Hiếu
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	Khoa KHCB
5	RN3	2	Phạm Thị Vinh/Nguyễn Đức Tuân
6	TTNN3	2	Phạm Thị Vinh/Nguyễn Đức Tuân
	Cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Công nghệ sinh học K51 - 09

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - TTNN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 12 tuần, từ 03/01 đến 10/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN2: 1 tuần, từ 11/4 đến 17/4/2021 - RN1: 2 tuần, từ 18/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Quá trình thiết bị trong Công nghệ Sinh học	3	Bùi Tri Thức
2	Công nghệ tế bào động vật	3	Nguyễn Xuân Vũ
3	Công nghệ tế bào thực vật	3	Nguyễn Thị Tình
4	TTNN 1	1	Nguyễn Tiến Dũng
5	Công nghệ Sinh học Nông nghiệp	4	Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Duy

6	Dinh dưỡng học	2	Phạm Bằng Phương
7	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Khoa Cơ bản
	Cộng	**19**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ sinh học công nghiệp	4	Phạm Bằng Phương, Trần Văn Chí
2	Công nghệ sản xuất thực phẩm chức năng	3	Phạm Thị Ngọc Mai
3	Thực tập nghề nghiệp 2	2	Phạm Bằng Phương
4	Rèn nghề 2	1	Dương Văn Cường
5	Rèn nghề 1	2	Nguyễn Thị Tình
6	Tin sinh học ứng dụng	2	Bùi Tri Thức
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Cơ bản
	Cộng	**16**	

Công nghệ thực phẩm K51 – 16

- Học 11 tuần, từ 16/8 đến 31/10/2021 - RN: 2 tuần, từ 01/11 đến 14/11/2021 - TTNN: 2 tuần, từ 15/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 12 tuần, từ 03/01 đến 10/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 1 tuần, từ 11/4 đến 17/4/2021 - TTNN: 2 tuần, từ 18/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa KHCB
2	Truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm	3	Lương Hùng Tiến
3	Phân tích và đánh giá cảm quan thực phẩm	3	Phạm Thị Ngọc Mai
4	Vi sinh thực phẩm	3	Trần Văn Chí
5	Thực hành 2 (Phân tích, cảm quan thực phẩm)	2	Phạm Thị Ngọc Mai
6	TTNN 2	2	Vi Đại Lâm
7	Rèn nghề 2	2	Vi Đại Lâm
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Lương Hùng Tiến
	Tổng cộng	**20**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa KHCB
2	Điều khiển tự động các quá trình Công nghệ Thực phẩm	3	Lưu Hồng Sơn
3	Công nghệ bảo quản và chế biến thịt, sữa	3	Nguyễn Văn Bình

4	Công nghệ bảo quản và chế biến rau quả	3	Nguyễn Đức Tuân
5	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	3	Lương Hùng Tiến
6	Rèn nghề 3	1	Phạm Thị Ngọc Mai
7	TTNN3	2	Nguyễn Văn Bình
	Tổng cộng	**17**	

Đảm bảo chất lượng ATTP K51 - 15

- Học 15 tuần, từ 16/8 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 11 tuần, từ 03/01 đến 03/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - TTNN2: 2 tuần, từ 04/4 đến 17/4/2022 - TTNN3: 2 tuần, từ 18/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa KHCB
2	Quản lý chuỗi cung ứng và truy suất nguồn gốc thực phẩm	3	Bùi Tri Thức
3	Quản lý suất ăn công nghiệp	3	Nguyễn Văn Bình
4	Kiểm soát và đảm bảo chất lượng các sản phẩm từ thực vật	3	Trịnh Thị Chung
5	Bảo quản nông sản, thực phẩm	2	Lưu Hồng Sơn
6	Nông nghiệp hữu cơ	3	Nguyễn Tiến Dũng
	Cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Luật và chính sách thực phẩm	3	Đinh Thị Kim Hoa
2	Phân tích các mối nguy trong thực phẩm	4	Phạm Thị Vinh
3	Kiểm soát và đảm bảo chất lương các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát	3	Lương Hùng Tiến
4	Bảo quản lạnh và lạnh đông nông sản sau thu hoạch	2	Trần Văn Chí
5	TTNN2	2	Nguyễn Đức Tuân +Phạm Thị Vinh
6	Rèn nghề 2	2	Nguyễn Đức Tuân +Phạm Thị Vinh
7	Tin học ứng dụng trong quản lý chất lượng thực phẩm	3	Lưu Hồng Sơn
	Cộng	**19**	

Công nghệ sinh học K52 - 08

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - TTNN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 15 tuần, từ 03/01 đến 01/5/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Cơ bản
2	Tiếng Anh 3	3	Trung tâm NNTH
3	Di truyền học cơ sở	2	Nguyễn Văn Duy
4	Cơ sở Hóa sinh học	3	Phạm Bằng Phương
5	Thống kê sinh học và xử lý số liệu	3	Bùi Tri Thức
6	Giáo dục thể chất 3	1	Khoa Cơ bản
7	Sinh học phân tử tế bào	3	Dương Văn Cường
8	TTNN 1	1	Bùi Tri Thức (ghép lớp K51)
9	Sinh lý thực vật	3	Nguyễn Thị Tình
	Cộng	**21**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Cơ bản
2	Sinh lý người và động vật	3	Nguyễn Văn Duy
3	Quá trình và thiết bị trong Công nghệ sinh học	3	Bùi Tri Thức
4	Công nghệ lên men	3	Lương Hùng Tiến
5	Virus học	2	Phạm Bằng Phương
6	Miễn dịch học cơ sở	3	Nguyễn Xuân Vũ
7	Công nghệ tế bào thực vật	3	Nguyễn Thị Tình
	Cộng	**19**	

Công nghệ thực phẩm K52 – 37

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - RN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 15 tuần, từ 03/01 đến 01/5/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa KHCB
2	Hóa sinh thực phẩm	4	Đinh Thị Kim Hoa
3	Tiếng Anh 3	3	TTNN

4	Hóa học thực phẩm	3	Phạm Thị Ngọc Mai
5	Quy trình thiết bị trong CNTP 1	3	Nguyễn Văn Bình
6	Rèn nghề 1	1	Đinh Thị Kim Hoa/Vi Đại Lâm
7	GDTC 3	1	KCB
8	GDQP		
	Tổng cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa KHCB
2	Quy trình thiết bị trong CNTP 2	3	Nguyễn Văn Bình
3	Dinh dưỡng học	3	Phạm Bằng Phương
4	Công nghệ lên men	3	Lương Hùng Tiến
5	Vật lý học thực phẩm	3	Lưu Hồng Sơn
6	Thông kê ứng dụng trong công nghệ thực phẩm	3	Lưu Hồng Sơn
7	Nguyên liệu thực phẩm	3	Phạm Thị Vinh
	Tổng cộng	**21**	

Đảm bảo chất lượng ATTP K52 - 15

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - TTNN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 14 tuần, từ 03/01 đến 24/4/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - RN: 1 tuần, từ 26/4 đến 01/5/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Tiếng Anh 3	3	TT NN&THƯD
2	Xã hội học đại cương	2	Khoa KHCB
3	Sinh học phân tử	3	Nguyễn Xuân Vũ
4	Hóa học thực phẩm	3	Phạm Thị Ngọc Mai
5	Nguyên lý an toàn thực phẩm và hệ thống quản lý chất lượng	4	Nguyễn Đức Tuân
6	Giáo dục thể chất 3	1	Khoa KHCB
7	TTNN1	1	Lưu Hồng Sơn
	Cộng	**17**	

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa KHCB
2	Hóa sinh thực phẩm	4	Đinh Thị Kim Hoa
3	Độc tố thực phẩm	3	Nguyễn Xuân Vũ
4	Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử và hóa sinh miễn dịch trong kiểm nghiệm thực phẩm	3	Nguyễn Văn Duy
5	Quy trình thiết bị trong công nghệ thực phẩm1	3	Nguyễn Văn Bình
6	Bảo quản nông sản thực phẩm	3	Nguyễn Đức Tuân
7	Rèn nghề 1	1	Lưu Hồng Sơn

KHOA CƠ BẢN

K53

- Học 14 tuần, từ 16/8 đến 21/11/2021 - TTNN, RN: 1 tuần, từ 22/11 đến 28/11/2021 - Thi 5 tuần, từ 29/11 đến 02/01/2022	- Học 15 tuần, từ 03/01 đến 01/5/2022 - Nghỉ tết: 3 tuần, từ 24/01 đến 13/02/2022 - Thi 4 tuần, từ 02/05 đến 29/05/2022

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Ghi chú
1	Giáo dục thể chất 1	1	10 lớp
2	Hóa học	4	10 lớp
3	Vật lý	2	10 lớp
4	Toán cao cấp 1	2	10 lớp
5	Tin học đại cương	3	10 lớp
6	Tiếng Anh 1	3	30 sv/lớp; 20 lớp
7	Xã hội học đại cương	2	10 lớp
8	Thực tập nghề nghiệp 1 (Nếu khoa có kế hoạch)	1	
	Tổng cộng	**18**	

Phân công giáo viên kỳ 1:		Số TC	Giảng viên giảng dạy
	Toán Cao cấp:	**2**	+ Vũ Thị Thu Loan: N01, N02 + Bùi Linh Phượng: N03, N04 + Vi Diệu Minh: N05, N06 + Mai Thị Ngọc Hà: N07, N08 + Phạm Thanh Hiếu: N09, N10
	Tin học đại cương:	**3**	+ Hứa Thị Toàn: N01, N02, N03, N04, + Trịnh Thị Thu: N05, N06, N07 + Đinh Thị Thu Uyên: N08, N09, N10
	GDTC1,3	**1**	* K52: + Nguyễn Khánh Quang: N01- N06 + Dương thế Hiển: N07- N10 * K51: + Nguyễn trường Giang: N01-N06 + Bùi Minh Tuấn: N07-N10
	Xã hội học ĐC:	**2**	+ Nguyễn Đ. Hương Giang: N01, N02, N09, N10 + Lèng Thị Lan: N03, N04, N05 + Dương Thùy Trang: N05, N06, N07, N08
	Hóa:	**4**	+ Đào Việt Hùng: N01 + Lành Thị Ngọc: N02, N03 + Nguyễn Thị Mai: N04, N05 + Nguyễn Thị Hoa: N06, N07 + Nguyễn Thị Thủy: N08 + Trần Thị Thùy Dương: N09

			+ Vũ Thị Thu Lê: N10
	Tiếng Anh 1,3	**3**	+ Văn Quỳnh Hoa N1,2 + Nguyễn Thu Hương N3,4 + Nguyễn Lan Hương N5,6 + Vũ Kiều Hạnh N7,8 + Hà Minh Tuấn N9,10

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Giáo dục thể chất 2	1	10 lớp
2	Triết học Mác- Lênin	2	5 Lớp
3	Sinh thái môi trường	2	10 lớp
4	Tiếng Anh 2	2	30 sv/lớp; 20 lớp
5	Xác suất - Thống kê	3	10 lớp
6	Sinh học	3	10 lớp
7	Khoa học quản lý	2	10 lớp
	Tổng cộng	**16**	

Phân công giáo viên kỳ 2		**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	**Giáo dục thể chất 2**	**1**	+ Nguyễn Khánh Quang: N01- N06 + Dương thế Hiển: N07- N10
3	**Xác suất - Thống kê**	**3**	+ Vũ Thị Thu Loan: N01, N02 + Bùi Linh Phượng: N03, N04 + Vi Diệu Minh: N05, N06 + Mai Thị Ngọc Hà: N07, N08 + Phạm Thanh Hiếu: N09 + Nguyễn Thị Hồng Nhung: N10
4	**Sinh học**	**3**	+ Phạm Thị Thanh Vân: N01, N02, N03, N04 + Phạm Thanh Huế: N05, N06, N07, N08 + Mai Hoàng Đạt: N09, N10
5	**Vật lý**	**2**	+ Nguyễn Thị Thu Hằng
	Tiếng Anh 2	**4**	+ Văn Quỳnh Hoa N1,2 + Nguyễn Thu Hương N3,4 + Nguyễn Lan Hương N5,6 + Vũ Kiều Hạnh N7,8 + Hà Minh Tuấn N9,10
	Triết học:	**2**	+ Lê Quốc Tuấn: N01 + Nguyễn Thị Thúy: N02, N03 + Nguyễn Thị Huyền: N04, N05

VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN

Khoa học và quản lý môi trường 50

Kỳ 1

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập nghề khoa học tài nguyên	1	TS. Nguyễn Văn Hiếu
2	Phân tích môi trường	3	GS. TS. Đặng Văn Minh
3	Viễn thám môi trường và thực hành	3	TS. Nguyễn Văn Hiếu
4	Đánh giá tác động môi trường	3	ThS.Dương Hồng Việt
5	Tương tác môi trường toàn cầu	3	PGS.TS. Nguyễn Thị Hà
6	Bảo tồn sinh học	3	TS. Trương Thị Ánh Tuyết
7	Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững	2	PGS.TS. Trần Văn Điền
8	Ứng dụng GIS trong phân tích môi trường	3	TS. Bùi Quang Bình
	Cộng	**21**	

Kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đề tài nghiên cứu tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Khoa học và quản lý môi trường 51

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Hệ thống thông tin địa lý	3	TS. Nguyễn Huy Trung
2	Sinh thái đại cương	3	TS. Nikki Dagamac
3	Biến đổi khí hậu	2	TS. Hồ Ngọc Sơn
4	Thống kê ứng dụng trong sinh học	3	TS. Phạm Thanh Hiếu
5	Nguyên lý khoa học đất	3	GS. TS. Nguyễn Thế Hùng
6	Cây và rừng	2	PGS. TS. Trần Thị Thu Hà
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ThS. Ngô Thị Mây Ước
8	Viết Chuyên ngành Khoa học	3	TS. Trương Thị Ánh Tuyết
	Cộng	**21**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Giải đoán ảnh không gian và viễn thám	2	TS. Nguyễn Văn Hiếu
2	Bảo tồn sinh học	3	TS. Trương Thị Ánh Tuyết
3	Phân tích môi trường	3	GS. TS. Đặng Văn Minh

4	Kinh tế môi trường và tài nguyên thiên nhiên	3	PGS. TS. Đỗ Xuân Luận
5	Lồng ghép Khoa học và Quản lý môi trường	2	ThS. Vũ Thị Hòa
6	Sử dụng đất và môi trường	3	PGS. TS. Phan Đình Binh
7	Thiết kế thí nghiệm và phân tích thống kê	3	TS. Dương Văn Đoàn
8	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	TS. Dương Thị Kim Huệ
	Cộng	**21**	

Khoa học và quản lý môi trường 52

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Kinh tế chính trị Mac - Lenin	2	ThS. Nguyễn Thị Huyền
2	Thể dục 3: Bóng đá	1	ThS. Bùi Minh Tuấn
3	Tiếng Việt 1	4	
4	Sinh học đại cương: Bản chất của cuộc sống trên Trái Đất và tiến hóa	3	TS. Phạm Bằng Phương
5	Hóa học đại cương	3	ThS. Nguyễn Thị Mai
6	Toán giải tích	2	PGS. TS. Nguyễn Thị Dung
7	Tin học đại cương	3	TS. Nguyễn Văn Hiếu
8	Diễn thuyết đại cương	3	ThS. Trần Lưu Hùng
9	Kinh tế vi mô	3	TS. Nguyễn Thị Thu Thương
	Cộng	**24**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	ThS. Nguyễn Thị Thúy
2	Kỹ năng mềm cho sinh viên	3	ThS. Lý Thị Thùy Dương
3	Tiếng Việt 2	4	
4	Vật lý đại cương	3	TS. Vũ Dương
5	Thống kê đại cương	3	TS. Phạm Thanh Hiếu
6	Sinh thái đại cương	3	TS. Nikki Dagamac
7	Nhập môn Khoa học môi trường	3	TS. Trương Thị Ánh Tuyết
8	Nguyên lý khoa học đất	3	GS. TS. Nguyễn Thế Hùng
9	Vi sinh vật môi trường	3	TS. Nguyễn Công Thành
	Cộng	**27**	

Khoa học và quản lý môi trường 53

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Reading	4	
2	Listening	4	

3	Writing	4	
4	Speaking	4	
5	Vocabulary for IELTS	3	
6	Pronunciation	3	
7	Giáo dục thể chất 1: Thể dục	1	TS. Vũ Hồng Thái
	Cộng	**23**	

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Reading for IELTS	5	
2	Listening for IELTS	5	
3	Writing for IELTS	5	
4	Speaking for IELTS	5	
5	Triết học Mác - Lênin	3	
6	Thể dục 2: Bóng chuyền	1	
	Cộng	**24**	

Công nghệ thực phẩm 50 (CTTT)

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Các quá trình cơ bản trong công nghệ Thực phẩm	3	TS. Trần Thị Thu Hằng
2	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2	ThS. Trịnh Thị Chung
3	Khoa học về thịt và công nghệ chế biến thịt	3	TS. Nguyễn Đức Doan
4	Công nghệ đồ uống	2	TS. Nguyễn Tiến Thành
5	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	3	PGS. TS. Vũ Thu Trang
6	Phụ gia thực phẩm	3	TS. Vũ Thị Minh Hằng
7	Công nghệ bảo quản và chế biến rau quả	2	ThS. Nguyễn Đức Tuân
8	Công nghệ bảo quản và chế biến ngũ cốc	2	TS. Lương Hồng Nga
9	Bố trí thí nghiệm và phân tích cảm quan thực phẩm	1	TS. Vũ Thị Minh Hằng
	Cộng	**21**	

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Đề tài nghiên cứu tốt nghiệp	10	
	Cộng	**10**	

Công nghệ thực phẩm 51 (CTTT)

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Hóa thực phẩm	2	TS. Vũ Thị Hạnh
2	Thực hành Hóa thực phẩm	1	TS. Vũ Thị Hạnh
3	Hóa sinh đại cương	3	ThS. Đinh Thị Kim Hoa
4	Truyền nhiệt và chuyển khối trong Food Technology	2	TS. Trần Thị Thu Hằng
5	Công nghệ lên men	2	TS. Lương Hùng Tiến
6	Bao gói thực phẩm	2	TS. Condro Wibowo
7	Nguyên liệu Thực phẩm	3	TS. Lương Hồng Nga
8	Rèn nghề 1: Các kỹ năng cơ bản trong phòng thí nghiệm	1	
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ThS. Ngô Thị Mây Ước
10	Writing in Profession: Science	3	TS. Trương Thị Ánh Tuyết
	Cộng	**19**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Các quá trình cơ bản trong công nghệ Thực phẩm	3	TS. Trần Thị Thu Hằng
2	Công nghệ enzyme	3	TS. Nguyễn Hữu Nghị
3	Khoa học cảm quan thực phẩm	2	TS.Từ Việt Phú
4	Bố trí thí nghiệm và phân tích cảm quan thực phẩm	1	
5	Thuộc tính thực phẩm	3	ThS. Nguyễn Tiến Cường
6	Vi sinh thực phẩm	2	PGS. TS. Hồ Phú Hà
7	Thực hành vi sinh thực phẩm	1	
8	Nguyên lý đảm bảo chất lượng trong chế biến thực phẩm	2	TS. Vũ Thị Hạnh
9	Phương pháp phân tích thực phẩm	2	Đinh Thị Kim Hoa
10	Thiết kế thí nghiệm và phân tích thống kê	3	TS. Dương Văn Đoàn
11	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	TS. Dương Thị Kim Huệ
	Cộng	**24**	

Công nghệ thực phẩm 52 (CTTT)

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Kinh tế chính trị Mac - Lenin	2	ThS. Nguyễn Thị Huyền
2	Thể dục 3: Bóng đá	1	ThS. Bùi Minh Tuấn
3	Tiếng Việt 1	4	
4	Sinh học đại cương: Bản chất của cuộc sống trên Trái Đất và tiến hóa	3	TS. Phạm Bằng Phương

5	Hóa học đại cương	3	ThS. Nguyễn Thị Mai
6	Toán giải tích	2	PGS. TS. Nguyễn Thị Dung
7	Tin học đại cương	3	TS. Nguyễn Văn Hiếu
8	Diễn thuyết đại cương	3	ThS. Trần Lưu Hùng
9	Kinh tế vi mô	3	TS. Nguyễn Thị Thu Thương
	Cộng	**24**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	ThS. Nguyễn Thị Thúy
2	Kỹ năng mềm cho sinh viên	3	ThS. Lý Thị Thùy Dương
3	Tiếng Việt 2	4	
4	Vật lý đại cương	3	TS. Vũ Dương
5	Thống kê đại cương	3	TS. Phạm Thanh Hiếu
6	Hóa hữu cơ	3	ThS. Nguyễn Thị Mai
7	Vi sinh đại cương	3	ThS. Vi Đại Lâm
8	Đại cương về khoa học thực phẩm	2	TS. Lương Hùng Tiến
	Dinh dưỡng	2	TS. Phạm Bằng Phương
	Cộng	**19**	

Công nghệ thực phẩm 53 (CTTT)

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Reading	4	
2	Listening	4	
3	Writing	4	
4	Speaking	4	
5	Vocabulary for IELTS	3	
6	Pronunciation	3	
7	Giáo dục thể chất 1: Thể dục	1	TS. Vũ Hồng Thái
	Cộng	**23**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Reading for IELTS	5	
2	Listening for IELTS	5	
3	Writing for IELTS	5	
4	Speaking for IELTS	5	
5	Triết học Mác - Lênin	3	
6	Thể dục 2: Bóng chuyền	1	
	Cộng	**24**	

B. HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

TT	HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2		
I. KHOA CNSH&CNTP						
1. LỚP NLTH-CNSTH52 tại Trường CĐNL Thanh Hóa						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Tính chất lý hóa sinh của nông sản sau thu hoạch	4	Đinh Thị Kim Hoa	Công nghệ bảo quản và chế biến lương thực	3	Phạm Thị Vinh/Trịnh Thị Chung
2	Nguyên lý truyền nhiệt và chuyển khối	4	Lương Hùng Tiến	**Thực tập tốt nghiệp**	**10**	
3	Xử lý phế phụ phẩm của thực phẩm	3	Trần Văn Chí	**Tổng cộng**	**13**	
4	Sinh học	3	Phạm Thanh Huế			
5	Quản lý chất lượng nông sản sau thu hoạch	3	Phạm Thị Vinh			
	Tổng cộng	**17**				
2.Lớp NL-CNTP52 - Trường ĐHNL Thái Nguyên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Tiếng Anh 3	3	Hà Minh Tuấn			
2	Xác suất - Thống kê	3	Vi Diệu Minh			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh (20SV)	2	NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT52 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) Ngô Thị Mây Ước			
4	Thực tập tốt nghiệp	10				
	Cộng	**18**				
II. KHOA CNTY						
1. NL-TY52 tại Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Khởi sự và kinh doanh (18SV)	3	NL-QLTNR52 (1SV) NL-TT52	Quản trị học (13SV)	3	NL-CNTY52 (17SV) NL-KTNN51 (19SV)

			(8SV) NLHN-TT51 (7SV) Nguyễn Quốc Huy			NLHB-QLDD52 (9SV) Dương Hoài An
2	Khoa học quản lý (18SV)	2	NL-CNTY52 (26SV) Nguyễn Mạnh Thắng	NN công nghệ cao (13SV)	3	NL-CNTY52 (7SV) Đào Thị Thanh Huyền
3	Giao dịch và đàm phán KD (18SV)	3	NL-KTNN51 (19 V) NLHB-QLDD52 (15SV) Nguyễn Thị Yến	Bệnh ở động vật thủy sản	3	Ngô Nhật Thắng
4	Độc chất học thú y (11SV)	2	NL-CNTY52 (7SV) Nguyễn Hữu Hòa	CN SX và sử dụng văc xin	2	Lê Minh
5	Bệnh ở động vật hoang dã (11SV)	2	NL-CNTY52 (7SV) Nguyễn Thị Ngân	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Đỗ Thị Lan Phương
6	Tiếng Anh 1 (2SV)	3	NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52 (1SV) NLCB-TT51 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NL-KHMT51 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương	Phúc lợi động vật và Luật chuyên ngành	2	Nguyễn Vũ Quang
	Cộng	**15**		**Cộng**	**16**	

2.NLTH-CNTY52 tại Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Phương pháp thí nghiệm (15SV)	2	NLHN-TY52N02 (26SV) Trần Văn Thăng	Cơ thể học động vật	5	Đặng Thị Mai Lan
2	Bệnh lý học Thú y (24SV)	3	NLSL-TY51 (14) Nguyễn Thị Bích Đào	Dược lý học thú y	2	Nguyễn Quang Tính
3	Bệnh nội khoa	2	Phan Thị Hồng Phúc	Nội - Chẩn thú y	3	Dương Thị Hồng Duyên
4	Miễn dịch học Thú y	2	Ngô Nhật Thắng	Kiểm nghiệm thú sản	3	Phạm Diệu Thùy
5	Vệ sinh CNTY	2	Phạm Thị Phương Lan	Công nghệ sinh sản	2	Bùi Ngọc Sơn
6	Đồng cỏ và cây thức ăn	2	Trần Thị Hoan	Maketting	3	Đỗ Hoàng Sơn
7	Ngoại khoa Thú y	3	La Văn Công			
8	Hệ thống nông lâm KH	3		**Cộng**	**18**	
	Cộng	**19**				
3. NLHN-TY52 - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Miễn dịch học thú y	2	Ngô Nhật Thắng	Một sức khỏe trong Thú y	2	Trần Nhật Thắng
2	Sản khoa thú y	3	La Văn Công	Tiếng Anh 3	3	NLDH-KTNN51 (4SV) Vũ Kiều Hạnh
3	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi - thú y (26SV)	2	NLTH-CNTY52 (15SV) Trần Văn Thăng	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Nguyễn Thị Minh Thuận
4	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	Nguyễn Thu Trang	Dinh dưỡng động vật	2	Từ Trung Kiên
5	TTNN: Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trại gia cầm	5	Đặng Thị Mai Lan	Vi sinh vật thú y	3	Nguyễn Mạnh Cường
6	TTNN: Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trang trại gia súc nhai lại	5	Trần Nhật Thắng			
7	Xác suất - Thống kê (18SV)	3	NLTC-TT52 (17SV)			

			Bùi Linh Phượng			
8	Xã hội học đại cương (18SV)	2	NL-QLTNR52 (10SV) NL-LN51 (1SV) QBC-LS53 (18SV) NL-QLDD51 (4SV) Lèng Thị Lan			
	Cộng	**24**		**Cộng**	**12**	
4.Lớp: NL-CNTY52 – Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Khởi sự và kinh doanh	3	Đoàn Thị Thanh Hiền	Quản trị học (7SV)	3	NL-TY52 (18SV) NL-KTNN51 (19 sv) NLHB-QLDD52 (9SV) Dương Hoài An
2	Khoa học quản lý (20SV)	2	NL-TY52 (11SV) Nguyễn Mạnh Thắng	Nông nghiệp công nghệ cao (7SV)	3	NL-TY52 (18SV) Đào Thị Thanh Huyền
3	Giao dịch và đàm phán KD	3	Lành Ngọc Tú	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	Nguyễn Đức Trường
4	Độc chất học thú y (7SV)	2	NL-TY52 (11SV) Nguyễn Hữu Hòa	CN sản xuất và sử dụng văc xin	2	Lê Minh
5	Bệnh ở động vật hoang dã (7SV)	2	NL-TY52 (11SV) Nguyễn Thị Ngân	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Đỗ Thị Lan Phương
6	Tiếng Anh 1 (1SV)	3	NL-TY52 (2SV) NL-KTNN51 (9SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52 (1SV)			

			NLCB-TT51 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NL-KHMT51 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương			
7	Thực tập tốt nghiệp	10				
8	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Nguyên lý 1) (1SV)	2	NLDH-KTNN51 (4SV) NL-LN51 (1SV) DBATC-TT51 (14AV) NLCB-QLDD52 (1) NL-QLDD51 (4SV) Lê Quốc Tuấn			
9	Xã hội học đại cương	2	NLDH-KTNN51 (4SV) DBCML-NLKH51 (11SV) NLCB-QLDD52 (1SV) Nguyễn Đỗ Hương Giang			
	Cộng	**29**		**Cộng**	**14**	

5.Lớp: NLSL-TY51 – Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi	3	Phạm Thị Phương Lan	Sinh hóa - Sinh lý động vật	5	Cù Thị Thúy Nga
2	Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trại gia cầm	4	Đặng Thị Mai Lan	Chẩn đoán bệnh thú y	3	Dương Thị Hồng Duyên

3	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận tốt nghiệp	1	Phan Thị Hồng Phúc	Di truyền - Giống vật nuôi	3	Hồ Thị Bích Ngọc
4	**Thực tập tốt nghiệp**	10		Độc chất học thú y	2	Nguyễn Hữu Hòa
5	Bệnh lý học thú y (19)	3	NLTH-CNTY52 24 (SV) Nguyễn Thị Bích Đào			
	Cộng	**21**		**Cộng**	**13**	

III. KHOA KT&PTNT

1. Lớp: YBALY-DKTNN52 – Trung tâm giáo dục thường xuyên hướng nghiệp tỉnh Yên Bái

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Ứng dụng Blockchain trong nông nghiệp	3	Đỗ Xuân Luận	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	Nguyễn Đức Quang
2	Khởi sự kinh doanh	3	Nguyễn Quốc Huy	Tài chính nông nghiệp	3	Đỗ Xuân Luận
3	Kế toán doanh nghiệp	3	Trần Lệ Thị Bích Hồng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Lưu Thị Thùy Linh
4	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	Nguyễn Văn Tâm	Luật kinh doanh	3	Giáo viên thỉnh giảng
5	Xây dựng và quản lý dự án	3	Lành Ngọc Tú	Tiếng Anh 3	3	Bui Thị Kiều Giang
6	**Cộng**	**15**		TTNN1: Thăm quan các mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao (DN, HTX, Trang trại…) (34SV)	1	NL-KTNN51 (19SV) Dương Thị Thu Hoài
				Cộng	**16**	

2. NLMCC-KTNN42 – Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	Bùi Thị Thanh Tâm	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	Đặng Thị Bích Huệ
2	Xây dựng và quản lý dự án	3	Bùi Thị Minh Hà	Phân tích, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị	2	Trần Thị Ngọc
3	Kế toán máy	3	Trần Lệ Thị Bích Hồng	Thực tập tốt nghiệp	10	
4	Xây dựng và phát	3	NLSL-QLDD52			

	triển thương hiệu sản phẩm (29SV)		(13SV) Hồ Văn Bắc			
5	Kinh tế vĩ mô	3	Đoàn Thị Mai			
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dương Thị Kim Huệ			
7	Tài chính nông nghiệp (29SV)	3	NL-KTNN51 (19SV) Đỗ Xuân Luận			
	Cộng	**20**		**Cộng**	**15**	
3. NL-KTNN51 tại Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**SỐ TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Khoa học quản lý	2	Nguyễn Mạnh Thắng	Quản lý trang trại	3	Hà Quang Trung
2	Giao dịch và đàm phán kinh doanh (19_	3	NL-TY52 (18) NLHB-QLDD52 (15SV) Đặng Thị Bích Huệ	Quản trị học (19SV)	3	NL-TY52 (18SV) NL-CNTY52 (7) NLHB-QLDD52 (9SV) Dương Hoài An
3	Tài chính nông nghiệp (14SV)	3	NLMCC-KTNN52 (29SV) Đỗ Xuân Luận	Nông nghiệp công nghệ cao	3	Trần Đình Hà
4	PP nghiên cứu khoa học	2	Đoàn Thị Mai	TTNN1: Thăm quan mô hình SX kinh doanh NN đạt hiệu quả kinh tế cao (DN, HTX, Trang trại…) (19SV)	1	YBALY-KTNN52 (34SV) Dương Thị Thu Hoài
5	PT, ĐG mô hình NTM kiểu mẫu	2	Bùi Xuân Hồng	Quản trị nhân sự trong DN (19SV)	3	NLDH-KTNN51 (4SV) Dương Hoài An
6	Công nghệ sinh học nông nghiệp (19SV)	2	NLDH-KTNN51 (4SV) Nguyễn Tiến Dũng			
7	Tiếng Anh 1 (9SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52			

			(1SV) NLCB-TT51 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NL-KHMT51 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương			
	Cộng	**17**		**Cộng**	**13**	
4. NLĐH-KTNN51 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**SỐ TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Tiếng Anh 1 (4SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52 (1SV) NLCB-TT51 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NL-KHMT51 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương	Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp (4SV)	3	NL-KTNN51 (19) Dương Hoài An
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin (Nguyên lý 1) (4SV)	2	NL-CNTY52 (1SV) NL-LN51 (1SV) DBATC-TT51 (14AV) NLCB-QLDD52 (1) NL-QLDD51 (4SV) Lê Quốc Tuấn	Đường lối cách mạng của ĐCSVN (4SV)	3	DBCML-NLKH51 (33SV) Dương Thị Kim Huệ
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh (4SV)	2	NLPY - CNTP52 (20SV) NLCB-TT52 (1SV)	Tiếng Anh 2 (4SV)	3	DBATC-TT51 (14SV) Nông Thị Hiền Hương

			NLHN-TT51 (4SV) Ngô Thị Mây Ước			
4	Xã hội học đại cương (4SV)	2	DBCML-NLKH51 (11SV) NLCB-QLDD52 (1SV) Nguyễn Đỗ Hương Giang	Tiếng Anh 3 (4SV)	3	NLHN-TY52N02 (17SV) Vũ Kiều Hạnh
5	Công nghệ sinh học nông nghiệp (4SV)	2	NL-KTNN51 (9SV) Nguyễn Tiến Dũng	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin (Nguyên lý 2) (4SV)	3	NL-LN51 (1SV) DBCML-NLKH51 (11SV) DBATC-TT51 14SV) Nguyễn Thị Huyền
6	Tin học đại cương (4SV)	3	NL-LN51 (1SV) Hứa Thị Toàn			
7	Sinh học (4SV)	3	DBCML-NLKH51 (11SV) NLTC-TT52 (15) Phạm Thị Thanh Vân			
	Cộng	**17**		**Cộng**	**15**	

IV. KHOA NÔNG HỌC

1. NLCB-TT52 Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Công nghệ sản xuất hoa	2	Đặng Thị Tố Nga	Địa lý kinh tế Việt Nam (26)	2	NLHN-TT51 (5SV) Nguyễn Đức Nhuận
2	Quản trị doanh nghiệp	3	Dương Hoài An	Kinh tế chính trị (1SV)	2	NLHN-TT51 (4SV) Nguyễn Thị Thúy
3	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	3	Nguyễn Thế huấn	Chủ nghĩa xã hội khoa học (1SV)	2	NLHN-TT51 (4SV) Nguyễn Thị Thúy
4	Sinh thái môi trường (30SV)	2	NL-TT52 (8SV) NLHN-TT51 (7SV) Bùi Lan Anh			
5	Vi sinh vật đại cương	2	Nguyễn Thị Mai Thảo			
6	Khởi sự kinh doanh	3	Nguyễn Quốc Huy			

7	Toán cao cấp (1SV)	2	NL-TT52 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NLSL-QLDD52 (5SV) NL-KHMT51 (1SV) Phạm Thanh Hiếu			
8	Tiếng Anh 1 (1SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-LN51 (1 SV) NLĐH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT51 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NL-KHMT51 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương			
9	Hóa học (1SV)	4	NLCB-TT51(88SV) NLTC-TT52 (15SV) NLHN-TT51 (4SV) Nguyễn Thị Mai			
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh (1SV)	2	NLPY - CNTP52 (21SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLHN-TT51 (4SV) Ngô Thị Mây Ước			
11	**Thực tập tốt nghiệp**	**10**				
	Cộng	**36**		**Cộng**	**6**	

2. NLTC-TT52 Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	TTNN 3: Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp trong sản	5	DBATC-TT51 (58SV) Vũ Thị Nguyên	Khí tượng nông nghiệp (18SV)	2	NL-TT52 (5SV) Nguyễn Thị

	xuất cây trồng (18SV)					Mai Thảo
2	Sinh học (15SV)	3	NLDH-KTNN51 (4SV) DBCML-NLKH51 (11SV) Phạm Thanh Huế	Kỹ thuật sản xuất cây trồng 2	2	Dương Trung Dũng
3	Xác suất - Thống kê (15SV)	3	NLHN-TY52N02 (18SV) Bùi Linh Phượng	Xây dựng và quản lý dự án (18SV)	3	NLSL-QLDD52 (13SV) Nguyễn Hữu Hồng
4	Hóa học (15SV)	4	NLCB-TT51 (88SV) NLCB-TT52 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) Nguyễn Thị Mai	Vi sinh vật đại cương (15)	2	NL-TT52 (8SV) NLHN-TT51 (7SV) Nguyễn Thị Mai Thảo
5	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa (18SV)	3	NL-TT52 (10SV) NLBP-TT52N02 (13SV) Bùi Lan Anh	Nông nghiệp hữu cơ (18SV)	2	NL-TT52 (8SV) NLCB-TT51 (2SV) Bùi Lan Anh
6	Công nghệ sau thu hoạch (18SV)	3	NLBP-TT52N02 (44SV) Lê Quang Ưng	Phương pháp nghiên cứu KH (15SV)	3	NL-TT52 (10SV) NLBP-TT52N01 (11SV) Nguyễn Minh Tuấn
	Cộng	**21**		**Cộng**	**14**	

3. NL-TT52 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Công nghệ sản xuất hoa (5SV)	2	NLHN-TT51 (21SV) Đặng Thị Tố Nga	Khí tượng nông nghiệp (5SV)	2	NLTC-TT52 (18SV) Nguyễn Thị Mai Thảo
2	Quản trị doanh nghiệp (5SV)	3	NLHN-TT51 (21SV) Dương Hoài An	Nông nghiệp hữu cơ (5SV)	2	NLTC-TT52 (18SV) NLCB-TT51 (2SV) Dương Thị Nguyên
3	Thương hiệu và thị trường sản phẩm (5SV)	3	NLHN-TT51 (17SV) Nguyễn Thế Huấn	Côn trùng và bệnh cây đại cương (10SV)	3	NLCB-TT51 (2SV) Dương Thị Nguyên
4	Sinh thái môi trường (8SV)	2	NLCB-TT52 (30) NLHN-TT51	Phương pháp nghiên cứu khoa	3	NLTC-TT52 (15SV)

			(7SV) Bùi Lan Anh	học (10SV)		NLBP-TT52N01 (11SV) Nguyễn Minh Tuấn
5	Vi sinh vật đại cương (8SV)	2	NLTC-TT52 (15SV) NLHN-TT51 (7SV) Nguyễn Thị Mai Thảo	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa (10SV)	3	NLTC-TT52 (18SV) NLBP-TT52N02 (13SV) Lê Thị Kiều Oanh
6	Khởi sự kinh doanh (8SV)	3	NL-TY52 (18SV) NL-QLTNR52 (10SV) NLHN-TT51 (7SV) Nguyễn Quốc Huy	Công nghệ sản xuất rau	3	Đào Thị Thanh Huyền
7	Toán cao cấp (1SV)	2	NLCB-TT52 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NLSL-QLDD52 (5SV) NL-KHMT51 (1SV) Phạm Thanh Hiếu	Công nghệ sản xuất cây dược liệu	2	Phạm Văn Ngọc
				TTNN 1: Tham quan mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (8SV)	1	DBATC-TT51 (58SV) Hà Việt Long
	Cộng	**17**		**Cộng**	**19**	

4. NLPT-TT52 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy			
1	Đất và dinh dưỡng cây trồng (4SV)	3	NLCB-TT51 (1SV) Phạm Văn Ngọc			
2	Thực tập tốt nghiệp	10				
	Cộng	**13**				

5. NLBP-TT52N01 Trường Cao đẳng công nông nghiệp cao su

TT	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy			
1	Phương pháp nghiên cứu KH (11SV)	3	NLTC-TT52 (15SV) NL-TT52 (10SV)			

			Nguyễn Minh Tuấn			
	Cộng	**3**				
6. NLBP-TT52N02 Trường Cao đẳng công nông nghiệp cao su						
TT	**Học phần**	**SỐ TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**SỐ TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Phương pháp nghiên cứu KH	3	Nguyễn Minh Tuấn	Kỹ thuật sản xuất cây trồng 1	2	Hoàng Kim Diệu
2	Trồng và chăm sóc dược liệu	2	Phạm Văn Ngọc	TTNN3: Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp trong sản xuất cây trồng	5	Vũ Thị Nguyên
3	Công nghệ sau thu hoạch (44SV)	3	NLTC-TT52 (18SV) Lê Quang Ưng	Thực tập tốt nghiệp	10	
4	Tiếng Anh 3	3	Phạm Thị Thu Trang			
5	TTNN2: Kỹ thuật sản xuất rau hoa ứng dụng công nghệ cao	3	Đặng Thị Tố Nga			
6	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa (13SV)	3	NLTC-TT52 (18SV) NL-TT52 (10SV) Lê Thị Kiều Oanh			
7	Khí tượng nông nghiệp	2	Nguyễn Minh Tuấn			
	Cộng	**19**		**Cộng**	**17**	
7. ĐBATC-TT51 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Điện Biên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	TTNN 3: Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp trong sản xuất cây trồng (58SV)	5	NLTC-TT52 (18SV) Vũ Thị Nguyên	Kỹ năng mềm	3	Phạm Thị Thu Huyền
2	Phương pháp nghiên cứu KH	3	Nguyễn Minh Tuấn	Xác suất - Thống kê	3	Vi Diệu Minh
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin (Nguyên lý 1) (14SV)	2	NL-CNTY52 (1SV) NL-LN51 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) (14SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Lê Quốc Tuấn	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin (Nguyên lý 2)	3	NL-LN51 (1SV) DBCML-NLKH51 (11SV) NLDH-KTNN51 (4SV) Nguyễn Thị Huyền

4	Tiếng Anh 3 (14SV)	3	NL-QLTNR52 (10SV) NLTB-QLDD52 (16SV) NL-NLKH52 (3SV) Văn Thị Quỳnh Hoa	Tiếng Anh 2 (14SV)	3	NLDH-KTNN51 (4SV) Nông Thị Hiền Hương
5	Thực tập tốt nghiệp	10		Hóa học	4	Nguyễn Thị Hoa
6				TTNN 1: Tham quan mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (14SV)	1	NL-TT52 (8SV) Hà Việt Long
7				Sinh học	3	Phạm Thanh Huế
	Cộng	**23**		**Cộng**	**20**	

8. Lớp: NLCB-TT51 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Sinh lý thực vật (2SV)	2	LChA-NLKH52 (39SV) DBCML-NLKH51 (12SV) Trần Minh Quân	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Ngô Thị Quang
2	Nông nghiệp hữu cơ (2SV)	2	NLTC-TT52 (18SV) NL-TT52 (5SV) Bùi Lan Anh	Xác suất - Thống kê	3	Mai Thị Ngọc Hà
3	Côn trùng và bệnh cây đại cương (2SV)	4	NL-TT52 (10SV) Dương Thị Nguyên	Hóa học	4	Vũ Thị Thu Lê
4	Đất và dinh dưỡng cây trồng (1SV)	3	NLPT-TT52 (4SV) Phạm Văn Ngọc	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	Phạm Tùng Hương
5	Sinh học	3	Mai Hoàng Đạt			
6	Tiếng Anh 1 (1SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52 (1SV)			

			NLDH-KTNN51 (4SV) NLHN-TT51 (4SV) NL-KHMT51 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương			
	Cộng	**17**		**Cộng**	**12**	

9. Lớp NLHN-TT51 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Công nghệ sản xuất hoa (21SV)	2	NL-TT52 (5SV) Đặng Thị Tố Nga	Địa lý kinh tế Việt Nam (5SV)	2	NLCB-TT52 (26SV) Nguyễn Đức Nhuận
2	Quản trị doanh nghiệp (21SV)	3	NL-TT52 (5SV) Dương Hoài An	Kinh tế chính trị (4SV)	2	NLCB-TT52 (1SV) Nguyễn Thị Huyền
3	Thương hiệu và thị trường sản phẩm (17SV)	3	NL-TT52 (5SV) Nguyễn Thế Huấn	Chủ nghĩa xã hội khoa học (4SV)	2	NLCB-TT52 (1SV) Nguyễn Thị Thúy
4	Sinh thái môi trường (7SV)	2	NLCB-TT52 (30SV) NL-TT52 (8SV) Bùi Lan Anh	Tư tưởng Hồ Chí Minh (4SV)	2	NLPY - CNTP52 (20SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT52 (1SV) Dương Thị Kim Huệ
5	Vi sinh vật đại cương (7SV)	2	NLTC-TT52 (15SV) NL-TT52 (8SV) Nguyễn Thị Mai Thảo			
6	Khởi sự kinh doanh (7SV)	3	NL-TY52 (18SV) NL-QLTNR52 (9SV) NL-TT52 (8SV) Nguyễn Quốc Huy			

7	Toán cao cấp (4SV)	2	NLCB-TT52 (1SV) NL-TT52 (1SV) NLSL-QLDD52 (5SV) NL-KHMT51 (1SV) Phạm Thanh Hiếu			
8	Tiếng Anh 1 (4SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT51 (1SV) NL-KHMT51 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương			
9	Hóa học (4SV)	4	NLCB-TT52 (1SV) NLTC-TT52 (15SV) Nguyễn Thị Mai			
10	Thực tập tốt nghiệp	10	Thực tập tốt nghiệp			
	Cộng	**34**		**Cộng**	**8**	

V. KHOA QLTN

1. NLSL-QLDD52 – Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	SỐ TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Xã hội học đại cương	2	Lèng Thị Lan	Qui hoạch sử dụng đất (13SV)	2	NLBN-QLDD53 (20SV) Vũ Thị Quý
2	Khoa học phong thủy	2	Nông Thị Thu Huyền	Xây dựng và quản lý dự án (13SV)	3	NLTC-TT52 (18SV) Nguyễn Hữu Hồng

3	Giao dịch và đàm phán KD	3	Bùi Xuân Hồng	Đăng ký, thống kê đất đai (5SV)	3	NLTB-QLDD52 (20SV) Nguyễn Thị Lợi
4	Đánh giá đất	3	Hoàng Hữu Chiến	Triết học MNL	3	Ngô Thị Mây Ước
5	Hệ thống thông tin đất (13SV)	3	QBC-QLDD52 (50SV) Nguyễn Ngọc Anh			
6	XD và PT thương hiệu sản phẩm (13SV)	3	NLMCC-KTNN52 (29SV) Hồ Văn Bắc			
7	Quản lý nhà nước về đất đai (11)	3	NLCB-QLDD52 (16SV) Nguyễn Khắc Thái Sơn			
8	Vật lý (5SV	2	NL-QLTNR52 (1SV) NL-LN51 (2SV) Nguyễn Thị Thu Hằng			
9	Toán cao cấp (5SV)	2	NLCB-TT52 (1SV) NL-TT52 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NL-KHMT51 (1SV) Phạm Thanh Hiếu			
10	TTNN 2: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng sử dụng đất nông nghiệp cấp xã phường (5SV)	1	NLTB-QLDD52 (23SV) Hoàng Hữu Chiến			
	Cộng	**24**		**Cộng**	**11**	

2. QBC-QLDD52 Trường Cao đẳng kinh thuật Quảng Bình

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Trắc địa II	3	Lê Văn Thơ	Khoa học quản lý	2	Nguyễn Mạnh Thắng
2	Quy hoạch sử dụng đất	4	Vũ Thị Quý	TTNN 3: Công tác quản lý nhà nước về đất đai cấp cơ sở	3	Nguyễn Khắc Thái Sơn

3	Hệ thống thông tin đất (50SV)	3	NLSL-QLDD52 (13SV) Nguyễn Ngọc Anh	TTNN 4: Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	2	Nguyễn Đình Thi
4	Thương mại điện tử	3	Nguyễn Văn Hiếu	Pháp luật và thanh tra đất đai	4	Nguyễn Thị Lợi
5	Khởi sự kinh doanh	3	Đoàn Thị Thanh Hiền	Cơ sở dữ liệu địa chính	3	Ngô Hồng Gấm
6	**Cộng**	**16**		**Cộng**	**14**	

3. NLTB-QLDD52 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Thương mại điện tử	3	Nguyễn Văn Hiếu	Ứng dụng tin học vẽ bản đồ	3	Nguyễn Ngọc Anh
2	Xã hội học đại cương	2	Nguyễn Đỗ Hương Giang	Khởi sự kinh doanh	3	Nguyễn Quốc Huy
3	Khoa học phong thủy	2	Nông Thị Thu Huyền	TTNN 3: Công tác ql nhà nước về đất đai cấp cơ sở	3	Nguyễn Thùy Linh
4	TTNN 2: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng sử dụng đất nông nghiệp cấp xã phường	1	NLSL-QLDD52 Hoàng Hữu Chiến	TTNN 4: Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	2	Nguyễn Đình Thi
5	Trắc địa II	3	Vũ Thị Thanh Thủy	Đăng ký, thống kê đất đai (20SV)	3	NLSL-QLDD52 (5SV) Nguyễn Thị Lợi
6	Tiếng Anh 3 (16SV)	3	NL-QLTNR52 (10SV) DBATC-TT51 (14SV) NL-NLKH52 3SV) Văn Thị Quỳnh Hoa	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Cộng	**14**		**Cộng**	**24**	

4. Lớp NLHB-QLDD52 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Quản lý NN về đất đai (8SV)	3	NL-QLDD51 37SV) Nguyễn Thùy Linh	Quản trị học (9SV)	3	NL-TY52 (13SV) NL-CNTY52 (7SV) NL-KTNN51 (19SV) Dương Hoài An
2	Khởi sự và kinh	3	Nguyễn Quốc	TTNN 3: Công	3	NLCB-

	doanh		Huy	tác QLNN về đất đai cấp CS (5SV)		QLDD52 (15SV) NL-QLDD51 (16SV) Nguyễn Thị Lợi
3	Khoa học quản lý	2	Nguyễn Mạnh Thắng	TTNN 4: Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	2	Nguyễn Đình Thi
4	Giao dịch và đàm phán KD (15SV)	3	NL-TY52 (18SV) NL-KTNN51 (19SV) Nguyễn Thị Yến	Phương pháp nghiên cứu khoa học (1SV)	3	NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) NLBN-QLDD53 (20SV Phan Đình Binh
5	Định giá đất và BĐS (12SV)	3	NLCB-QLDD52 (27SV) Nguyễn Quang Thi			
6	Cơ sở dữ liệu địa chính (9SV)	2	NLCB-QLDD52 (26SV) Ngô Thị Hồng Gấm			
7	Tiếng Anh 1 (4SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT51 (1SV) NL-KHMT51 (1SV) NLHB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương			

8	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Nguyên lý 1) (1SV)	2	NL-CNTY52 (1SV) NL-LN51 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) DBATC-TT51 (14SV) NLCB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Lê Quốc Tuấn			
9	Xã hội học đại cương (1SV)	2	NLHN-TY52N02 (18SV) NL-QLTNR52 (SV) NL-LN51 (2SV) QBC-LS53 (18SV) NL-QLDD51 (4SV) Lèng Thị Lan			
	Cộng	**23**		**Cộng**	**11**	

5. NLCB-QLDD52 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	QL tài nguyên nước - KS	3	Dương Hồng Việt	Quản trị học	3	Dương Hoài An
2	Quản lý NN về đất đai (16SV)	3	NLSL-QLDD52 (11SV) Nguyễn Khắc Thái Sơn	TTNN 3: Công tác QLNN về đất đai cấp CS (15SV)	3	NLHB-QLDD52 (5SV) NL-QLDD51 (16SV) Nguyễn Thị Lợi
3	Khởi sự và kinh doanh	3	ĐoànThị Thanh Hiền	TTNN 4: Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	2	Nguyễn Đình Thi
4	Giao dịch và đàm phán KD	3	Đặng Thị Bích Huệ	Phương pháp nghiên cứu khoa học (1SV)	3	NLHB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) NLBN-QLDD53 (20SV) Phan Đình

						Bình
5	Định giá đất và BĐS (27SV)	3	NLHB-QLDD52 (12SV Nguyễn Quang Thi			
6	Cơ sở dữ liệu địa chính 26SV)	2	NLHB-QLDD52 (9SV) Ngô Thị Hồng Gấm			
7	Tiếng Anh 1 (1SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT51 (1SV) NL-KHMT51 (1SV) NLHB-QLDD52 (4SV) NL-QLDD51 (4SV) Nguyễn Thị Thu Hương			
8	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Nguyên lý 1) (1SV)	2	NL-CNTY52 (1SV) NL-LN51 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) DBATC-TT51 (14SV) NLHB-QLDD52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) Lê Quốc Tuấn			
9	Xã hội học đại cương (1SV)	2	NL-CNTY52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) DBCML-NLKH51 (11SV)			

			QBC-LS53 (18SV) Nguyễn Đỗ Hương Giang			
	Cộng	**24**		**Cộng**	**11**	
6. NL-QLDD51 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Quản lý NN về đất đai (37SV)	3	NLHB-QLDD52 (8SV) Nguyễn Thùy Linh	TTNN 3: Công tác QLNN về đất đai cấp CS	3	NLHB-QLDD52 NLCB-QLDD52 Nguyễn Thị Lợi
2	Khởi sự và kinh doanh	3	Đoàn Thị Thanh Hiền	TTNN 4: Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	2	NLHB-QLDD52 Nguyễn Đình Thi
3	Khoa học quản lý	2	Nguyễn Mạnh Thắng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	NLHB-QLDD52 NLCB-QLDD52 NLBN-QLDD53 Đàm Xuân Vận
4	Giao dịch và đàm phán KD	3	Đặng Thị Bích Huệ			
5	Định giá đất và BĐS	3	Nguyễn Quang Thi			
6	Cơ sở dữ liệu địa chính	2	Ngô Thị Hồng Gấm			
7	Tiếng Anh 1 (4SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-LN51 (1 SV) NLCB-TT52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT51 (1SV) NL-KHMT51 (1SV) NLHB-QLDD52 (4SV) NLCB-QLDD52 (1SV)			

			Nguyễn Thị Thu Hương			
8	Quản trị học (16SV)	3	NL-LN51 (15SV) Dương Hoài An			
9	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Nguyên lý 1) (4SV)	2	NL-CNTY52 (1SV) NL-LN51 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) DBATC-TT51 (14SV) NLHB-QLDD52 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) Lê Quốc Tuấn			
10	Xã hội học đại cương (4SV)	2	NLHN-TY52N02 (18SV) NL-QLTNR52 (1SV) NL-LN51 (2SV) NLHB-QLDD52 (1SV) Lèng Thị Lan			
	Cộng	**26**		**Cộng**	**8**	

7. DBC-QLDD52 - Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Khởi sự kinh doanh	3	Nguyễn Quốc Huy	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Phạm Tùng Hương
2	TTNN 3: Công tác QLNN về đất đai cấp cơ sở	3	Nguyễn Khắc T Sơn	Xác suất- Thống kê	3	Bùi Linh Phượng
3	Pháp luật và thanh tra đất đai	3	Nguyễn Thùy Linh	Tiếng Anh 3	3	Bùi Thị Kiều Giang
4	Đăng ký, thống kê đất đai	3	Nguyễn Thị Lợi			
5	Định giá đất và bất động sản	3	Nguyễn Quang Thi			
6	Thực tập tốt nghiệp	10				
	Cộng	**25**		**Cộng**	**8**	

VI. KHOA LÂM NGHIỆP

1. NL- NLKH52 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Kỹ thuật lâm sinh	3	NL-QLTNR52	Thực tập tốt	10	

	(3SV)		(9SV)	nghiệp		
2	Nông lâm kết hợp cảnh quan	3				
3	Tiếng Anh 3 (3SV)	3	DBATC-TT51 (14SV) NLTB-QLDD52 (16SV) NL-QLTNR52 (10SV) Văn Thị Quỳnh Hoa			
4	Nông nghiệp công nghệ cao (3SV)	3	NL-LN51 (15SV) Trần Đình Hà			
5	Xây dựng mô hình NLKH (3SV)	3	DBCML-NLKH51 (36SV)			
6	Khoa học gỗ (3SV)	2	NL-QLTNR52 (9SV)			
	Cộng	**17**				

2. NL- QLTNR52 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Xã hội học đại cương (1SV)	2	NLHN-TY52N02 (18SV) NL-QLDD52 (4SV) NL-LN51 (2SV) NLHB-QLDD52 (1SV) Lèng Thị Lan	Kinh tế rừng	3	
2	Vật lý (1SV)	2	NL-LN51 (2SV) NLSL-QLDD52 (5SV) Nguyễn Thị Thu Hằng	Quản lý các hệ sinh thái	3	
3	Tiếng Anh 3 (10SV)	3	DBATC-TT51 (14SV) NLTB-QLDD52 (16SV) NL-NLKH52 (3SV) Văn Thị Quỳnh	Khởi sự và kinh doanh	3	Đoàn Thị Thanh Hiền

			Hoa			
4	Khoa học gỗ (9SV)	3	NL-NLKH52 (3SV)	TTNN2: Lập kế hoạch quản lý rừng bền vững	2	
5	Sâu bệnh hại rừng	3		TTNN3: Nghiệp vụ hành chính kiểm lâm	2	
6	Nghiệp vụ kiểm lâm	3		Luật và chính sách QLTNR	3	
7	Kỹ thuật lâm sinh (9SV)	3	NL-NLKH52 (3SV)			
8	TTNN1: Tìm hiểu hoạt động bảo tồn tại VQG/khu bảo tồn	1				
9	Dịch vụ môi trường rừng (9SV)	3	QBC-LS53 (20SV)			
	Cộng	**23**		**Cộng**	**16**	

3. LChA-NLKH52 Trung tâm giáo dục thường xuyên hướng nghiệp tỉnh Lai Châu

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Ứng dụng GIS trong LN	3		Ứng dụng CNSH trong LN	3	
2	Quy hoạch LN	3		Khởi nghiệp K. Doanh	3	
3	Lâm sản ngoài gỗ	3		Thực vật rừng	3	
4	NL kết hợp cảnh quan	3		Đo đạc LN	3	
5	Kiểm định chất lượng NLS	3				
6	TTNN3: Lập kế hoạch phát triển cộng đồng	1				
7	Sinh lý - SH thực vật (39)	3	DBCML-NLKH51 (12) NLCB-TT51 (2SV) Trần Minh Quân			
	Cộng	**19**		**Cộng**	**12**	

4. NL-LN51 Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Giao dịch và đàm phán KD	3	Lành Ngọc Tú	TTNN3: Quy hoạch phát triển Lâm nghiệp	3	
2	PP nghiên cứu khoa học	2		Những nguyên lý cơ bản của chủ	3	NLDH-KTNN51

				nghĩa Mác – Lênin (Nguyên lý 2) (2SV)		(4SV) DBCML-NLKH51 (11SV) DBATC-TT51 (14SV) Nguyễn Thị Huyền
3	Tiếng Anh 1 (1SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-QLDD51 (4 SV) NLCB-TT52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT51 (1SV) NL-KHMT51 (1SV) NLHB-QLDD52 (4SV) NLCB-QLDD52 (1SV) Nguyễn Thị Thu Hương			
4	Quản trị học (15SV)	3	NL-QLDD51 (16SV) Dương Hoài An			
5	Nông nghiệp công nghệ cao (15SV)	3	NL-NLKH52 (3SV) Trần Đình Hà			
6	**Thực tập tốt nghiệp**	**10**				
7	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Nguyên lý 1) (1SV)	2	NL-CNTY52 (1SV) NL-QLDD51 (4SV) NLDH-KTNN51 (4SV) DBATC-TT51 (14SV) NLHB-QLDD52 (1SV) NLCB-QLDD52 (1SV) Lê Quốc Tuấn			
8	Xã hội học đại cương (2SV)	2	NLHN-TY52N02			

			(18SV) NL-QLDD52 (4SV) NL-QLTNR51 (1SV) NLHB-QLDD52 (1SV) Lèng Thị Lan			
9	Vật lý (2SV)	2	NL-QLTNR52 (1SV) NLSL-QLDD52 (5SV) Nguyễn Thị Thu Hằng			
10	Tin học đại cương (2SV)	3	NLDH-KTNN51 (4SV) Hứa Thị Toàn			
	Cộng	**33**		**Cộng**	**6**	

5. Lớp: DBCML-NLKH51 Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật tỉnh Điện Biên

TT	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy	Học phần	Số TC	Lớp ghép/GV giảng dạy
1	Xây dựng mô hình NLKH (36SV)	3	NL-NLKH52 (3SV)	Xác suất - Thống kê	3	Vũ Thị Thu Loan
2	Ứng dụng GIS trong LN	3		Đường lối cách mạng của ĐCSVN (33SV)	3	NLDH-KTNN51 (4SV) Dương Thị Kim Huệ
3	Đa dạng sinh học	3	Nguyễn T Thu Hằng	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Nguyên lý 2) (11SV)	3	NLDH-KTNN51 (4SV) NL-LN51 (2SV) DBATC-TT51 (14SV) Nguyễn Thị Huyền
4	Nông nghiệp công nghệ cao	3	Đào Thị Thanh Huyền	Sinh học (11SV)	2	NLDH-KTNN51 (4SV) NLTC-TT52 (15SV) Phạm Thị Thanh Vân
5	Khởi sự và kinh doanh	3	Đoàn Thị Thanh Hiền	Xã hội học đại cương (11SV)	2	NL-CNTY52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-

						QLDD52 (1SV) QBC-LS53 (18SV) Nguyễn Đỗ Hương Giang
6	Khoa học quản lý	2	Nguyễn Mạnh Thắng	**Thực tập tốt nghiệp**	**10**	
7	Sinh lý-sinh hóa thực vật (12SV)	3	LChA-NLKH52 (39SV) NLCB-TT51 (2SV) Trần Đình Hà			
	Cộng	**20**		**Cộng**	**23**	

VII. KHOA MÔI TRƯỜNG

Lớp NL-KHMT51						
TT	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**	**Học phần**	**Số TC**	**Lớp ghép/GV giảng dạy**
1	Toán cao cấp (1SV)	2	NLCB-TT52 (1SV) NL-TT52 (1SV) NLHN-TT51 (4SV) NLSL-QLDD52 (5SV) Phạm Thanh Hiếu	Quy hoạch môi trường	3	Hà Đình Nghiên
2	Cơ sở khoa học môi trường	3	Dương T Minh Hòa	Phân tích hệ thống môi trường	3	Trần T Phả
3	Hóa học môi trường	3	Trần Thị Phả	Khởi sự và kinh doanh	3	Đoàn Thị Thanh Hiền
4	Truyền thông môi trường	3	Nguyễn Thị Huệ	Quan trắc và phân tích MT	4	Hoàng Thị Lan Anh
5	Biến đổi khí hậu	3	Dương Minh Ngọc	Công nghệ môi trường	3	Trần Hải Đăng
6	Độc học môi trường	3	Nguyễn Ngọc Sơn Hải			
7	Tiếng Anh 1 (1SV)	3	TY52 (2SV) NL-CNTY52 (1SV) NL-KTNN51 (9SV) NL-QLDD51 (4 SV) NLCB-TT52 (1SV) NLDH-KTNN51 (4SV) NLCB-TT51 (1SV)			

			NL-LN51 (1SV) NLHB-QLDD52 (4SV) NLCB-QLDD52 (1SV) Nguyễn Thị Thu Hương			
	Cộng	**20**		**Cộng**	**16**	

C: HỆ SAU ĐẠI HỌC

HỆ ĐÀO TẠO THẠC SĨ

I. KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y

1. Lớp Thú y Khóa 28

Học 8 tuần từ 9/8 – 3/10/2021	Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 4/10 – 10/10/2021	Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

Kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ sinh sản	2	TS. Trần Văn Thăng
2	Phúc lợi động vật	2	TS. Mai Anh Khoa
3	Dịch tễ học thú y	2	TS. Ngô Nhật Thắng
4	Bệnh truyền nhiễm	3	TS. Nguyễn Văn Quang
5	Kí sinh trùng thú y	2	GS.TS. Nguyễn Thị Kim Lan
6	Bệnh nội khoa	2	TS. Phan Thị Hồng Phúc
7	Bệnh ngoại khoa	2	TS. La Văn Công
8	Bệnh sinh sản gia súc	2	TS. Đỗ Quốc Tuấn
	Tổng	**17**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

2. Lớp Thú y Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

3. Lớp Chăn nuôi Khóa 28

Học 8 tuần từ 9/8 – 3/10/2021	Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 4/10 – 10/10/2021	Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

Kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ sinh sản	2	TS. Trần Văn Thăng
2	Phúc lợi động vật	2	TS. Mai Anh Khoa
3	Dịch tễ học thú y	2	TS. Ngô Nhật Thắng
4	Chăn nuôi gia cầm	2	PGS.TS. Trần Thanh Vân
5	Chăn nuôi lợn	2	PGS.TS. Trần Văn Phùng
6	Chăn nuôi trâu bò	2	PGS.TS. Trần Văn Tường
7	Truyền nhiễm và quản lý dịch bệnh	2	TS. Nguyễn Văn Quang
8	Đồng cỏ và cây thức ăn	2	TS. Trần Thị Hoan
	Tổng	**16**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

4. Lớp Chăn nuôi Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

II. KHOA NÔNG HỌC

1. Lớp Khoa học cây trồng Khóa 28

Học 8 tuần từ 9/8 – 3/10/2021		Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022	
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 4/10 – 10/10/2021		Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp	
Kỳ 3			
TT	**Tên học phần**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Nông lâm nghiệp hữu cơ	2	TS. Dương Thị Nguyên
2	Cây ăn quả	2	TS. Nguyễn Thế Huấn
3	Cây công nghiệp	2	TS. Dương Trung Dũng
4	Cây rau	2	PGS.TS. Nguyễn Thúy Hà
5	Công nghệ hoa, cây cảnh	2	TS. Đặng Thị Tố Nga
6	Ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt	2	TS. Hà Duy Trường
7	Công nghệ sau thu hoạch	2	TS. Trần Minh Quân
8	Khoai, sắn	2	TS. Nguyễn Viết Hưng
	Tổng	**16**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

2. Lớp Khoa học cây trồng Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

III. KHOA LÂM NGHIỆP

1. Lớp Lâm học Khóa 28

Học 8 tuần từ 9/8 – 3/10/2021		Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022	
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 4/10 – 10/10/2021		Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp	
Kỳ 3			
TT	**Tên học phần**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Quản lý tài nguyên rừng	2	PGS.TS. Lê Sỹ Trung
2	Kỹ thuật lâm sinh	3	TS. Dương Văn Thảo
3	Quản lý lưu vực	2	PGS.TS. Trần Quốc Hưng

4	Bảo tồn phát triển cây dược liệu	2	TS. Lê Văn Phúc
5	Nông lâm kết hợp	2	TS. Đàm Văn Vinh
6	Trồng rừng	2	TS. Nguyễn Công Hoan
7	Định giá dịch vụ môi trường rừng	2	TS. Đỗ Hoàng Chung
8	Lâm nghiệp xã hội	2	TS. Lê Sỹ Hồng
	Tổng	**17**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

2. Lớp Lâm học Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

3. Lớp Quản lý tài nguyên rừng Khóa 28

Học 6 tuần từ 9/8 – 19/9/2021		Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022	
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 20/9 – 26/9/2021		Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp	
Kỳ 3			
TT	**Tên học phần**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Quản lý tài nguyên thực vật rừng	3	TS. Đỗ Hoàng Chung
2	Dịch vụ hệ sinh thái	3	TS. Dương Văn Thảo
3	Thiết kế hệ thống giám sát tài nguyên rừng	2	TS. Nguyễn Công Hoan
4	Ứng dụng công nghệ trong quản lý lửa rừng	3	TS. Nguyễn Tuấn Hùng
5	Seminar chuyên ngành	1	TS. Dương Văn Đoàn
6	Lập phương án quản lý rừng bền vững	3	TS. Nguyễn Thanh Tiến
	Tổng	**15**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

4. Lớp Quản lý tài nguyên rừng Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

IV. KHOA MÔI TRƯỜNG

1. Lớp Khoa học môi trường Khóa 28

Học 6 tuần từ 9/8 – 19/9/2021		Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022	
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 20/9 – 26/9/2021		Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp	
Kỳ 3			
TT	**Tên học phần**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**

1	Đánh giá tác động môi trường	3	PGS.TS. Đỗ Thị Lan
2	Biến đổi khí hậu	2	TS. Trần Hải Đăng
3	Chiến lược và chính sách môi trường	2	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Nông
4	Công nghệ môi trường	2	TS. Dư Ngọc Thành
5	Ô nhiễm và các biện pháp xử lý	2	TS. Nguyễn Thanh Hải
6	Ứng dụng viễn thám và hệ thống thông tin địa lý trong nghiên cứu quản lý môi trường	2	TS. Nguyễn Văn Hiếu
	Tổng	**13**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

2. Lớp Khoa học môi trường Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

V. KHOA CNSH & CNTP

1. Lớp Công nghệ sinh học Khóa 28

Học 6 tuần từ 9/8 – 19/9/2021	Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 20/9 – 26/9/2021	Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

Kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ sinh học trong y dược	2	TS. Nguyễn Xuân Vũ
2	Công nghệ sinh học trong chăn nuôi thú y	2	TS. Nguyễn Văn Duy
3	Công nghệ sinh học môi trường	2	TS. Phạm Bằng Phương
4	Bệnh học phân tử động vật	2	PGS. TS. Dương Văn Cường
5	Bệnh học phân tử thực vật	2	PGS. TS. Nguyễn Tiến Dũng
6	Công nghệ lên men sản xuất các hợp chất trao đổi	2	TS. Lương Hùng Tiến
	Tổng	**12**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

2. Lớp CNSH Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

VI. KHOA KINH TẾ &PTNT

1. Lớp KTNN K 28A

Học 8 tuần từ 9/8 – 3/10/2021		Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022	
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 4/10 – 10/10/2021		Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp	
Kỳ 3			
TT	**Tên học phần**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Kinh tế đối ngoại	2	TS Hồ Văn Bắc
2	Chuỗi giá trị nông nghiệp	2	TS Hồ Lương Xinh
3	Kỹ năng lãnh đạo & quản lý	2	PGS. TS Trần Văn Điền
4	Kinh tế nông nghiệp	3	TS Hà Quang Trung
5	Marketing nông nghiệp	2	TS Dương Hoài An
6	Thị trường nông sản	2	TS Vũ Thị Hiền
7	Nông nghiệp công nghệ cao	2	TS Hà Thị Hòa
8	Phát triển du lịch và du lịch nông thôn	2	TS Nguyễn Văn Tâm
	Tổng	**17**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

2. Lớp KTNN K28B

Học 5 tuần từ 9/8 – 12/9/2021		Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022	
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 13/9 – 19/9/2021		Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp	
Kỳ 3			
TT	**Tên học phần**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Marketing nông nghiệp	2	TS. Dương Hoài An
2	Nông nghiệp công nghệ cao	2	TS. Nguyễn Hữu Thọ
3	Thị trường nông sản	2	TS. Vũ Thị Hiền
4	Phát triển kinh tế vùng	2	TS. Trần Lệ Thị Bích Hồng
5	Kinh tế nông trại	2	TS. Bùi Thị Thanh Tâm
	Tổng	**10**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

3. Lớp Kinh tế nông nghiệp Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

4. Lớp Phát triển nông thôn Khóa 29 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022

Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

VII. KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN

1. Lớp QLĐĐ K28A

Học 8 tuần từ 9/8 – 3/10/2021	Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 4/10 – 10/10/2021	Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

Kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Quản lý môi trường cho sự PTBV	2	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Nông
2	Kinh tế tài nguyên đất	2	TS. Nguyễn Đức Nhuận
3	Biến đổi khí hậu	2	TS. Trần Thị Mai Anh
4	Đánh giá đất	2	TS. Nông Thị Thu Huyền
5	Quy hoạch sử dụng đất	2	TS. Vũ Thị Quý
6	Quản lý thị trường bất động sản	2	TS. Nguyễn Quang Thi
7	Định giá đất và bất động sản	2	TS. Phan Thị Thu Hằng
8	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	PGS.TS. Lê Văn Thơ
	Tổng	**16**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

2. Lớp QLĐĐ K28B

Học 8 tuần từ 9/8 – 3/10/2021	Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 4/10 – 10/10/2021	Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

Kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	2	PGS.TS. Trần Văn Điền
2	Khoa học đất nâng cao	2	TS. Nguyễn Thu Thùy
3	Biến đổi khí hậu	2	TS. Trần Thị Mai Anh
4	Đánh giá đất	2	TS. Nông Thị Thu Huyền
5	Quy hoạch sử dụng đất	2	TS. Vũ Thị Quý
6	Quản lý thị trường bất động sản	2	TS. Nguyễn Quang Thi
7	Định giá đất và bất động sản	2	TS. Nguyễn Thế Huấn
8	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	PGS.TS. Phan Đình Binh
	Tổng	**16**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

3. Lớp QLĐĐ K28C

Học 8 tuần từ 9/8 – 26/9/2021	Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022
Thi kết thúc học kỳ III: 1 tuần 27/9 – 3/10/2021	Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

Kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy

1	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	2	PGS.TS. Trần Văn Điền
2	Phân loại lập bản đồ đất	2	TS. Hoàng Hữu Chiến
3	Chính sách pháp luật đất đai	2	PGS.TS. Nguyễn K.Thái Sơn
4	Bồi thường hỗ trợ tái định cư	2	TS. Nguyễn Thị Lợi
5	Biến đổi khí hậu	2	TS. Trần Thị Mai Anh
6	Quản lý môi trường cho sự PTBV	2	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Nông
7	Quy hoạch sử dụng đất	2	TS. Vũ Thị Quý
	Tổng	**14**	

Kỳ 4: Tháng 10/2021 đến tháng 10/2022 Bảo vệ luận văn luận văn tốt nghiệp

4. Lớp QLĐĐ K28 (Dự kiến kế hoạch học)

Học 7 tuần từ 25/10 - 12/12/2021	Học 7 tuần từ 2/03 - 25/04/2022
Thi kết thúc học kỳ I: 1 tuần 13/12 – 19/12/2021	Thi kết thúc học kỳ II: 1 tuần 26/4 – 3/05/2022
Bảo vệ đề cương 3/2022	Bảo vệ đề cương 6/2022

HỆ ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH

1. DANH SÁCH NCS THEO NGÀNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Số lượng nghiên cứu sinh đang theo học tại cơ sở đào tạo

1. NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG: 01

TT	Họ và tên	Năm công nhận NCS	Thời gian ĐT	Người hướng dẫn 1	Người hướng dẫn 2
1	Phạm Thị Thu Huyền	12/12/2014	3	PGS.TS.Trần Văn Điền	TS.Trần Thị Trường

1. NGÀNH CHĂN NUÔI: 01

TT	Họ và tên	Năm công nhận NCS	Thời gian ĐT	Người hướng dẫn 1	Người hướng dẫn 2
1	Nguyễn Thị Minh Thuận	21/10/2016	3	PGS.TS. Trần Văn Phùng	TS. Phạm Băng Phương

3. NGÀNH LÂM SINH: 02

TT	Họ và tên	Năm công nhận NCS	Thời gian ĐT	Người hướng dẫn 1	Người hướng dẫn 2
1	Nguyễn Mỹ Hải	01/6/2017	3	PGS.TS. Trần Thị Thu Hà	TS. Vũ Thị Quế Anh
2	Trịnh Quang Huy	27/7/2020	3	PGS.TS. Trần Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Thanh Tiến

4. NGÀNH KST-VSV HOC THÚ Y: 06

TT	**Họ và tên**	**Năm công nhận NCS**	**Thời gian ĐT**	**Người hướng dẫn 1**	**Người hướng dẫn 2**
1	Phạm Chiến Thắng	15/6/2016	3	GS.TS. Nguyễn Quang Tuyên	
2	Nguyễn Văn Tuyên	31/5/2017	4	GS.TS. Nguyễn Thị Kim Lan	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngân
3	Nguyễn Thị Tâm	01/6/2017	3	GS.TS. Nguyễn Thị Kim Lan	TS. Phan Thị Hồng Phúc
4	Lê Thị Khánh Hòa	28/6/2018	3	GS.TS. Nguyễn Thị Kim Lan	TS. Phan Thị Hồng Phúc
5	Trần Nhật Thắng	27/7/2020	3	GS.TS. Nguyễn Thi Kim Lan	TS. Phạm Diệu Thùy
6	Trần Trung Mỹ	05/01/2021	3	PGS.TS. Đặng Xuân Bình	TS. Đặng Thị Mai Lan

5. NGÀNH QUẢN LÍ ĐẤT ĐAI: 06

TT	**Họ và tên**	**Năm công nhận NCS**	**Thời gian ĐT**	**Người hướng dẫn 1**	**Người hướng dẫn 2**
1	Phạm Xuân Thiều	12/8/2014	3	PGS.TS.Hoàng Văn Hùng	TS.Dương Thành Nam

2	Trương Thành Nam	15/6/2016	3	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Nông	
3	Lê Tuấn Định	21/10/2016	3	PGS.TS. Phan Đình Binh	TS. Vũ Thị Thủy
4	Phan Thanh Hà	1/6/2017	3	PGS.TS. Lê Văn Thơ	
5	Vũ Thị Kim Hảo	28/6/2018	3	GS.TS. Nguyễn Thế Đặng	TS. Nguyễn Đình Bồng
6	Tạ Ngọc Long	10/12/0220	3	GS.TS. Nguyễn Thế Đặng	

6. NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG: 08

TT	Họ và tên	Năm công nhận NCS	Thời gian ĐT	Người hướng dẫn 1	Người hướng dẫn 2
1	Nguyễn Thị Minh Huệ	12/08/2014	3	PGS.TS.Đàm Xuân Vận	
2	Đặng Xuân Thường	31/7/2015	3	PGS.TS. Đỗ Thị Lan	PGS.TS. Trần Đức Hạ
3	Trương Đức Giao	1/6/2017	3	TS. Nguyễn Chí Hiếu	PGS. TS. Lương Văn Hinh
4	Nguyễn Thế Khoa	1/6/2017	3	PGS.TS. Lê Như Kiểu	TS. Dư Ngọc Thành
5	Nguyễn Hoàng	08/11/2018	3	PGS.TS.Hoàng Văn Hùng	
6	Hoàng Quý Nhân	14/11/1990	3	PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoài	PGS.TS. Đỗ Thị Lan
7	Nguyễn Thị Bích Hạnh	27/7/2020	3	GS.TS. Đặng Văn Minh	TS. Văn Hữu Tập
8	Nguyễn Thùy Giang	27/7/2020	3	GS.TS. Nguyễn Thế Hùng	PGS.TS. Đặng Văn Thành

7. NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: 05

TT	Họ và tên	Năm công nhận NCS	Thời gian ĐT	Người hướng dẫn 1	Người hướng dẫn 2
1	Đặng Thị Bích Huệ	1/6/2017	3	PGS.TS. Đinh Ngọc Lan	
2	Nguyễn Đức Quang	1/6/2017	3	PGS.TS. Đinh Ngọc Lan	
3	Lê Văn Bẩy	1/6/2017	3	PGS.TS. Dương Văn Sơn	PGS.TS. Đỗ Anh Tài
4	Nguyễn Sinh Huỳnh	01/6/2017	3	PGS.TS. Dương Văn Sơn	
5	Ngô Tất Thắng	05/01/2021	3	PGS.TS. Trần Văn Điền	TS. Nguyễn Thị Yến

TỔNG SỐ: 29 NCS